

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT
DỰ HOÀI

Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024

HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của cơ sở TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THỊT
DỰ HOÀI

CHỦ CƠ SỞ

Sóc Trăng, tháng 09 năm 2024

MỤC LỤC

DANH SÁCH BẢNG	iv
DANH SÁCH HÌNH	v
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	vi
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ cơ sở đầu tư	1
2. Tên cơ sở:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở đầu tư.....	4
3.1. Công suất của cơ sở đầu tư	4
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư.....	4
3.3. Sản phẩm của cơ sở đầu tư.....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	7
4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào	7
4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:.....	8
4.3. Nhu cầu cung cấp điện	8
4.4. Nhu cầu về nước.....	9
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	10
5.1. Quá trình xây dựng cơ sở	10
5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở	10
5.2.1. Các hạng mục công trình chính.....	12
5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	13
5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường.....	15
5.3. Danh mục máy móc, thiết bị	16
5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở:.....	17
CHƯƠNG II. KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	18
1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	18
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	18
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20

1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.3. Xử lý nước thải.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	26
3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường.....	27
3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:	27
3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:	28
4. Công trình, biện pháp lưu giữ , xử lý chất thải nguy hại	29
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn , độ rung	31
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:.....	32
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:.....	32
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:	32
6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:.....	33
6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:	34
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):	35
8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:.....	35
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	36
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	36
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	37
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:	37
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	40
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	42
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	42
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	42
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	42
2. Chương trình quan trắc môi trường	44
2.1. Quan trắc nước thải	44
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	44
CHƯƠNG VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	46

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:	46
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:.....	46
PHỤ LỤC BÁO CÁO	48

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 1.1 Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở	Error! Bookmark not defined.
Bảng 1.2. Nguyên - vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở.....	7
Bảng 1.3. Hạng mục các công trình của cơ sở.....	10
Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở	16
Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải...	27
Bảng 3.2. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	32
Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	38
Bảng 4.2. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép	39
Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung.....	40
Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở.....	41
Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	42
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải.....	45
Bảng 5.2. Chất lượng không khí tại cơ sở	45
Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	47
Bảng 6.2. Dự kiến thời gian lấy mẫu	47
Bảng 6.3. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải	48
Bảng 6.4. Tổng kinh phí giám sát môi trường.....	50

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1.1. Vị trí tọa độ các điểm không chế và tứ cận của cơ sở	2
Hình 1.2. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh	2
Hình 1.3. Quy trình nuôi gà thịt	4
Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm	14
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở	23
Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	24
Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở	26

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
NĐ – CP	Nghị định Chính phủ
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TT	Thông tư
TTLT	Thông tư liên tịch
UBND	Ủy ban nhân dân
VLXD	Vật liệu xây dựng
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ ĐẦU TƯ

1. Tên chủ cơ sở đầu tư

- Chủ cơ sở: Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư
- Địa chỉ: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
- Đại diện theo pháp luật: (Ông) Phạm Văn Rư.
- Chức vụ: Chủ cơ sở
- Điện thoại: 0913.862.170

2. Tên cơ sở:

Tên cơ sở: Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài

Cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài” thuộc Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư được đầu tư xây dựng tại ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng với tổng diện tích đất để thực hiện xây dựng là 92.171,1m².

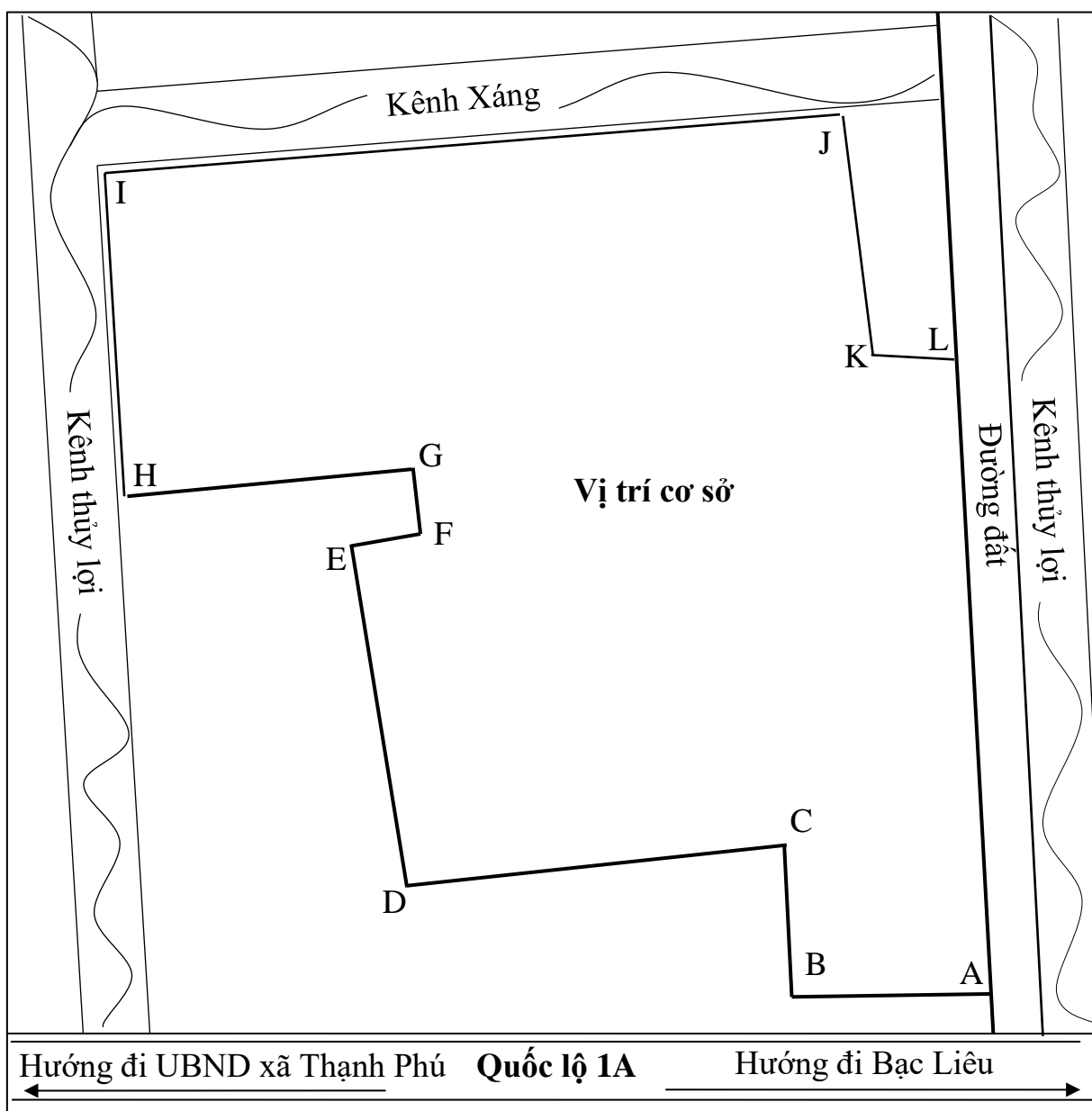
Vị trí cơ sở với tứ cận tiếp giáp như sau:

- Phía Đông : giáp kênh thủy lợi.
- Phía Tây : giáp kênh thủy lợi.
- Phía Nam : giáp kênh Xáng.
- Phía Bắc : giáp Quốc Lộ 1A.

Bảng 1.1: Tọa độ vị trí địa lý của cơ sở

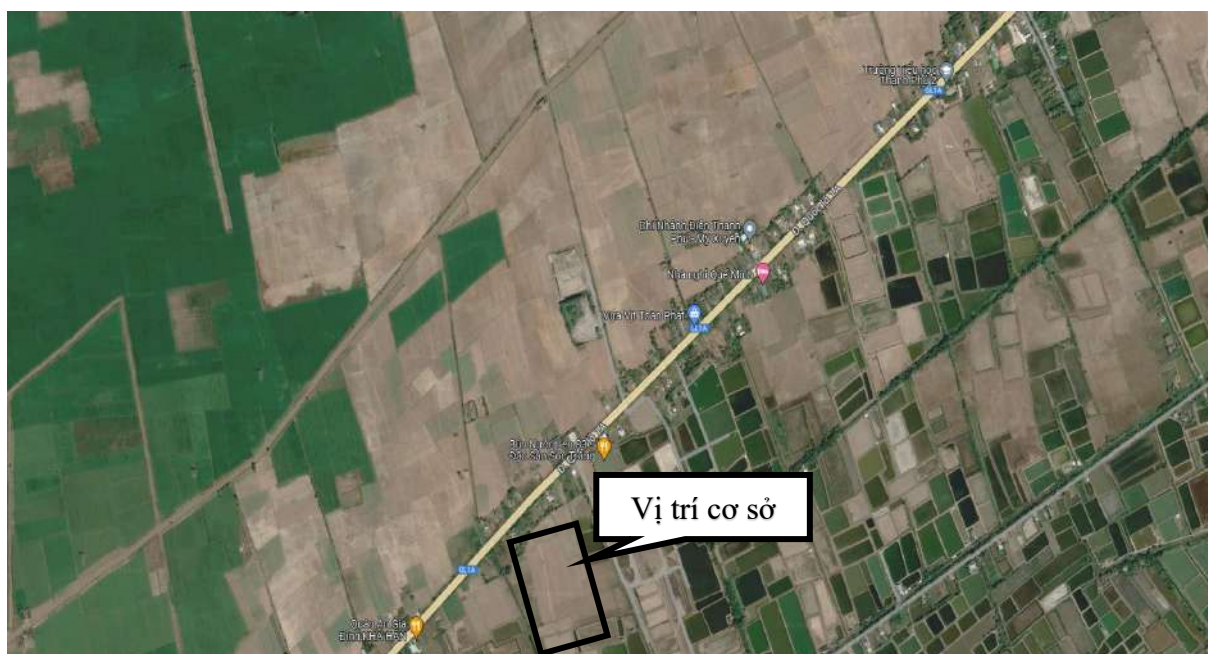
STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiều 6 ⁰	
		X (m)	Y (m)
1	A	1048016	535564
2	B	1048091	535631
3	C	1047964	535697
4	D	1048010	535862
5	E	1047878	535898
6	F	1047857	535799

7	G	1047730	535841
8	H	1047788	535991
9	I	1047607	536062
10	J	1047518	535900
11	K	1047657	535833
12	L	1047643	535785



Hình 1.1. Vị trí tọa độ các điểm khống chế và tứ cận của cơ sở

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.



Hình 1.2. Vị trí cơ sở và các đối tượng xung quanh

- Các đối tượng tự nhiên: Khu đất xây dựng cơ sở nằm trên tuyến Quốc lộ 1A đi qua, tiếp giáp với cơ sở phía sau có kênh Xáng và kênh thủy lợi nằm cặp theo hai bên cơ sở. Do đó vị trí cơ sở thuận tiện cho giao thông vận chuyển bằng đường bộ.

- Các đối tượng kinh tế - xã hội: Cơ sở cách UBND xã Thạnh Phú và chợ Thạnh Phú khoảng 3,5km về hướng Đông Bắc, trong phạm vi bán kính 2km khu vực xung quanh cơ sở không có các công trình tôn giáo, văn hóa, di tích lịch sử...; trong bán kính 1,5 km có trường tiểu học Thạnh Phú 2 nhưng vẫn đảm bảo khoảng cách từ cơ sở đến trường học tối thiểu là 500m theo Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT.

- Các đối tượng xung quanh có khả năng bị tác động bởi cơ sở: khu vực xung quanh cơ sở có mật độ dân cư trung bình, chỉ có một vài hộ dân ở gần khu vực đường vào cơ sở.

- Hiện trạng quản lý và sử dụng đất: Phần đất thực hiện cơ sở thuộc quyền sở hữu của chủ cơ sở.

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được đính kèm theo phụ lục.)

- Nguồn tiếp nhận nước thải là ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.

- Quy mô của cơ sở: Trang trại nuôi 310.000 con gà thịt được chia vào 31 dãy trại nuôi, cuối mỗi vụ nuôi sẽ xuất bán gà cho các đơn vị thu mua để nuôi lấy thịt, mỗi đợt nuôi khoảng 4 tháng, một năm 3 đợt/năm.

- Theo Phụ lục V Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/ 01/2020, hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi thì:

+ Đơn vị vật nuôi: HSVN X Số con.

Gà thịt: $0.005 \times 310.000 = 1.550$ ĐVN

Như vậy: Căn cứ theo Điều 21, Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/1/2020, hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; thì trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài công suất 310.000 con gà/đợt, thuộc trang trại chăn nuôi gà quy mô lớn.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm cơ sở có loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường mức độ III theo quy định của luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở đầu tư

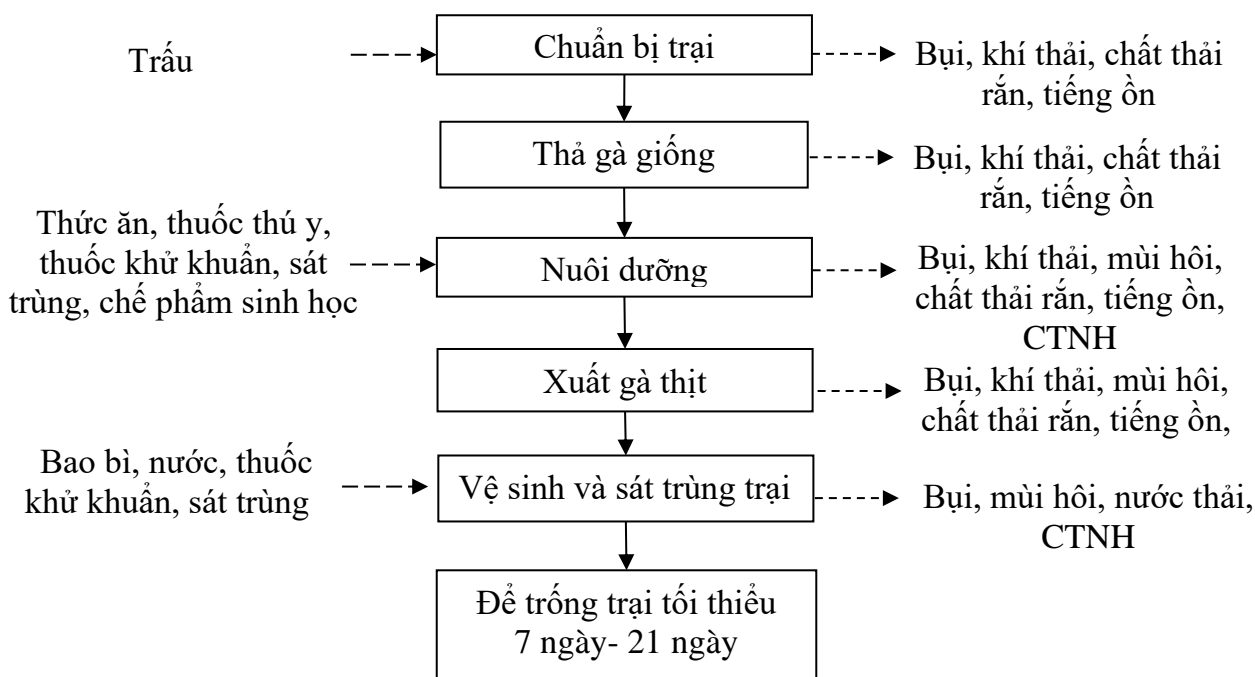
3.1. Công suất của cơ sở đầu tư

“Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài” thuộc Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư hoạt động với quy mô công suất của cơ sở là 310.000 con gà thịt/đợt (mỗi năm 03 đợt nuôi) được chia làm 31 dãy trại nuôi mỗi trại nuôi 10.000 con/đợt.

Tổng diện tích của cơ sở: 92.171,1m² (thửa đất số 1069, tờ bản đồ số 41 thuộc địa phận ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng).

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở đầu tư

Cơ sở áp dụng công nghệ nuôi gà kết hợp với sử dụng đệm lót sinh học có phun các chế phẩm sinh học EM giúp ngăn ngừa phát sinh mùi hôi trên lớp vật liệu trấu – phân gà. Quy trình nuôi gà được thực hiện như sau:



Hình 1.3. Quy trình nuôi gà của cơ sở

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thạnh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

Thuyết minh quy trình:

Quy trình chăn nuôi gà của qua các công đoạn sau:

Công đoạn chuẩn bị trại và úm gà con:

- Chuẩn bị trại: Trước khi tiến hành vụ nuôi, công nhân sẽ tiến hành dọn dẹp, chuẩn bị trại nuôi. Các công việc chuẩn bị như sau:

+ Vệ sinh sạch và sát trùng kỹ máng ăn, uống trước khi sử dụng.

+ Vệ sinh tẩy uế và sát trùng chuồng trại.

+ Kiểm tra các thiết bị chăn nuôi để đảm bảo chúng hoạt động tốt trong quá trình nuôi.

- Thả gà giống: Gà giống 01 ngày tuổi được Công ty cung cấp con giống vận chuyển đến cơ sở. Công nhân sẽ vận chuyển các thùng chứa gà giống vào trại nuôi, sau đó thả gà ra các khu quây úm đã được chuẩn bị sẵn, công tác quây úm như sau:

+ Khu quây úm phải được chuẩn bị kỹ, mỗi khu quây úm có đường kính 2m cho 500 con gà, độ cao quây khoảng 40 – 50 cm.

+ Đèn úm bằng bóng đèn dây tóc 75W (chuyên dụng) , mỗi bóng đèn có thể úm được từ 100 – 110 con gà.

- Chất độn chuồng: chất độn chuồng là trấu đã được phơi khô và xít sát trùng, lớp trấu có bề dày khoảng 10cm.

Áp dụng công nghệ nuôi gà kết hợp đệm lót sinh học trong trại nuôi để tăng khả năng tự phân hủy của phân gà, làm giảm mùi hôi. Lớp trấu lót chuồng có độ xộp cao sẽ giúp cho phân gà được hủy nhanh giúp làm giảm mùi hôi trong trại nuôi. Ngoài ra, ít bị bệnh và tăng trưởng tốt sau này; gà nuôi trên nền trấu đệm lót không bị thối bàn chân, không bị què chân, lông mượt và sạch; gà có thịt chắc, thơm ngon, giảm tồn dư kháng sinh.

Quá trình nuôi dưỡng gà:

- Thức ăn: Lượng thức ăn sẽ được các công ty thức ăn cung cấp, tỷ lệ dinh dưỡng của thức ăn sẽ thay đổi theo độ tuổi của gà. Khi gà còn nhỏ cho gà ăn nhiều lần trong ngày, mỗi lần bỏ một ít thức ăn, thức ăn phải luôn mới. Sau 2 tuần số lần cho ăn trong ngày sẽ giảm dần. Gà càng lớn thời gian ăn càng nhanh hơn, nên chỉ cho gà ăn vào buổi sáng và chiều mát.

- Tiêm ngừa vaccin phòng bệnh gà:
- Tiêm ngừa vaccin phòng bệnh gà:
 - + 1 ngày tuổi: phòng bệnh viêm phế quản truyền nhiễm (IB), sử dụng vaccin IB chủng H120, liều lượng 2 giọt/con, nhỏ mũi hoặc miệng.
 - + 3 ngày tuổi: phòng bệnh Niu-cát-xon (bệnh gà rù), sử dụng vaccin Niu-cát-xon chủng F , liều lượng 2 giọt/con, nhỏ miệng hoặc mắt (mỗi bên mắt 1 giọt).
 - + 7 ngày tuổi: phòng bệnh đậu gà, sử dụng vaccin đậu gà lọ dùng kim tiêm nhúng vào lọ vaccin, tiêm vào mắt trong cánh gà.
 - + 10 ngày tuổi: Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro, sử dụng vaccin Gumboro , liều lượng 2 giọt/con, nhỏ miệng hoặc mắt (mỗi bên mắt 1 giọt).
 - + 15 ngày tuổi: Phòng bệnh Cúm gia cầm, tiêm dưới da cổ vắc xin H5N1 liều 0.3ml/con. Bệnh này rất nguy hiểm có thể lây sang người nên cần chú ý tiêm đúng lịch.
 - + 21 ngày tuổi: tiêm nhắc lại bệnh Niu-cát-xon chủng Lasota, sử dụng vaccin Niu-cát-xon chủng Lasota, liều lượng nhỏ mắt 2 giọt/con, hoặc cho uống 5ml/con.
 - + 24 ngày tuổi: Phòng lại bệnh Gumboro bằng vaccin Gumboro, cho uống 5ml/con
 - + 40 ngày tuổi: Phòng bệnh Tụ huyết trùng: vaccin Tụ Huyết trùng, liều 0.5ml/con, tiêm dưới da cổ hoặc da ức.
 - + 2 tháng tuổi: Phòng bệnh Niu-cát-xon bằng vaccin Niu-cát-xon chủng M, liều lượng 0.5ml/con, tiêm dưới da cổ hoặc cơ ngực.

Giai đoạn xuất bán gà thịt

Gà đạt khối lượng trung bình khoảng 1,8kg/con sẽ được xuất bán.

- Xuất gà thịt (1-2 ngày/trại/đợt): Thời gian thu gom gà và vận chuyển gà khỏi Cơ sở khoảng 1-2 ngày/trại/đợt. Cơ sở xuất gà lần lượt từng trại, hết trại này đến trại khác. Toàn bộ gà thịt sau khi xuất khỏi trại sẽ được chuyển đến các công ty, thương lái tiêu thụ gà thịt.

Giai đoạn vệ sinh sát trùng chuồng trại

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

- Sau khi xuất hết gà, chủ cơ sở sẽ thu gom phân và chất độn nền vào bao ni lông bán cho khách hàng; sau đó cơ sở dùng nước vệ sinh nền trại, các dụng cụ chăn nuôi. Lượng trấu và phân gà thu gom vào khoảng 10 tấn/trại. Thời gian cơ sở thu gom phân, chất độn nền, vệ sinh nền trại, vệ sinh các dụng cụ chăn nuôi 2 ngày/trại.

- Phân, chất độn sau khi thu gom sẽ bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Sau đó sẽ tiêu độc khử trùng trại, dụng cụ chăn nuôi bằng vôi và Omnicide, để trống trại tối thiểu 7 ngày (trong trường hợp không có dịch bệnh) hoặc 21 ngày (trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra) trước khi nuôi đợt gà kế tiếp. Thường chủ cơ sở để trống trại 15 ngày rồi mới bắt đầu nuôi kế tiếp.

3.3. Sản phẩm của cơ sở đầu tư

Cơ sở thực hiện nuôi gà thịt: Trọng lượng bình quân: 1,8 kg/con; số lượng gà nuôi trong 1 năm là 930.000 con/năm (mỗi đợt nuôi là 310.000 con/đợt nuôi và 1 năm nuôi 3 đợt). Do đó khối lượng gà thịt là 310.000 con/đợt nuôi x 1,8 kg/con x 3 đợt = 1.674.000 kg/năm = 1.674 tấn/năm. Sản phẩm đầu ra của cơ sở là gà thịt đạt trọng lượng xuất chuồng sẽ được các công ty, thương lái thu mua lại toàn bộ.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên – vật liệu, hoá chất đầu vào

Gà giống: khoảng 310.000 con/đợt nuôi (mỗi năm cơ sở sẽ nuôi 03 đợt). Gà giống được Công ty con giống cung cấp và vận chuyển về trại chăn nuôi bằng xe chuyên dụng.

Cơ sở sử dụng thức ăn dạng viên, chứa trong mỗi kho thức ăn tại chuồng ước tính khoảng 900 tấn/đợt nuôi, thức ăn được các công ty đối tác cung cấp, đảm bảo đạt chất lượng theo quy định.

Thuốc thú y, thuốc kháng sinh trong quá trình chăn nuôi được các công ty chuyên sản xuất thuốc thú y cung cấp.

Đệm lót sinh học: Sử dụng chủ yếu trấu làm chất độn chuồng, bề dày nền trấu khoảng 10cm, tổng diện tích toàn bộ 31 trại nuôi là 56.340m². Như vậy, lượng trấu cần sử dụng để độn chuồng là 5.634 m³/đợt nuôi (khoảng 175 tấn). Kết hợp sử dụng thêm chế phẩm sinh học EM trong quá trình phối trộn đệm lót sinh học.

Nguyên liệu đầu vào phục vụ hoạt động cơ sở được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Nguyên - vật liệu, hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở

STT	Nguyên, vật liệu, hóa chất	Số lượng
1	Gà giống	310.000 con/đợt
2	Thức ăn cho gà loại 25kg/bao	900 tấn/đợt
3	Vôi để khử trùng mặt bằng, chuồng trại	4 tấn/đợt
4	Formol 2-3% , thuốc sát khuẩn Biodine	200 lít/đợt
5	Xút 2 -3 %	310 kg/đợt
6	Trấu	175 tấn/đợt
7	Chế phẩm sinh học EM	1.000 lít/đợt
8	Clorine	200 kg/đợt
9	Các loại hóa chất diệt ruồi: Oshin, 50EC, Bendona 10EC,...	500 lít/đợt
10	Các loại thuốc thú y, vắc xin	Tùy theo từng thời điểm giai đoạn tuổi gà. Trung bình 1.860 lọ/đợt

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2024)

4.2. Nhu cầu về nhiên liệu:

- Cơ sở sử dụng nhiên liệu dầu Diezen để chạy máy phát điện dự phòng. Do mạng lưới điện quốc gia ít gặp sự cố nên lượng dầu sử dụng là không nhiều. Trong trường hợp xấu nếu mỗi tháng có 2 ngày mất điện thì nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu tối đa cho máy phát điện khoảng 24 lít/giờ khoảng 1.152 lít/tháng.

- Gas để nấu ăn: khoảng 12 kg/tháng.

4.3. Nhu cầu cung cấp điện

Nguồn cấp điện cho cơ sở là điện 3 pha được lấy từ mạng lưới điện Quốc gia, do Điện lực huyện Mỹ Xuyên cung cấp.

Điện dùng cho các hoạt động dân dụng của công nhân được tính trên cơ sở chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt là 750 kWh/năm (tương đương 2,05 kWh/ngày) - Theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

$$Đ_{SHHD} = 30 \text{ người} * 2,05 \text{ kWh/người/ngày} = 61,5 \text{ kWh/ngày}$$

Nhu cầu điện dùng cho vận hành máy móc, thiết bị sản xuất ($Đ_{MMHD}$):

$$Đ_{MMHD} = 438,5 \text{ kWh/ngày}$$

+ Điện chiếu sáng: 50 kWh/ngày

+ Điện dây chuyền hệ thống máy móc: 100 kWh/ngày

+ Điện vận hành hệ thống quạt hút: 288,5 kWh/ngày

Tổng lượng điện tiêu thụ trong giai đoạn cơ sở đi vào hoạt động ($Đ_{HD}$):

$$Đ_{HD} = Đ_{MMHD} + Đ_{SHHD} = 438,5 + 61,5 = 500,0 \text{ kWh/ngày.}$$

4.4. Nhu cầu về nước

Nguồn nước sử dụng cho cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất thông qua 03 giếng khoan với lưu lượng khai thác 9,9 m³/ngày đêm.

Nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng cấp nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn khoảng 80 lít/người/ngày đêm. Cơ sở đi vào hoạt động với tổng số công nhân, người lao động làm việc là 30 người. Do đó, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt (Q_{SH}) là:

$$Q_{SH} = 30 \text{ người} * 80 \text{ lít/người/ngày đêm} = 2,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Nước cấp cho gà uống: Theo định của công ty cung cấp thức ăn thì (1 kg thức ăn sẽ sử dụng 1 lít nước). Do đó, ước tính lượng nước cấp cho gà uống của cơ sở trong 01 đợt nuôi là 900m³. Vậy lượng nước tối đa cần cung cấp cho gà uống hàng ngày (Q_{NUCG}) tại cơ sở là: 900 : 120 (ngày) = 7,5 m³/ngày.

Như vậy, tổng nhu cầu cung cấp nước phục vụ cho quá trình hoạt động của cơ sở (Q_{HD}):

$$\begin{aligned} Q_{HD} &= Q_{SHCN} + Q_{NUCG} \\ &= 2,4 + 7,5 = 9,9 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm} \end{aligned}$$

Ngoài ra, cơ sở còn sử dụng nước phục vụ cho việc vệ sinh chuồng trại (Q_{VSCT}) sau quá trình chăn nuôi. Trên thực tế tại trang trại, lượng nước vệ sinh chuồng trại sau khi kết thúc đợt nuôi khoảng 4 m³/trại nuôi. Do đó ước tính tại cơ sở sẽ sử dụng khoảng 124 m³/đợt cho 31 trại nuôi. Tuy nhiên, cơ sở không xuất chuồng cùng 1 lượt 31 trại nuôi mà sẽ xuất chuồng theo từng khu nuôi sau đó tiến hành vệ sinh lần lượt mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 trại nuôi. Vì vậy, nhu cầu dùng

nước sẽ là 04 m³/ngày đêm và kéo dài trong khoảng 31 ngày cho quá trình vệ sinh này.

Khi kết thúc đợt nuôi thì lượng nước sử dụng chỉ còn lưu lượng nước phục vụ cho công nhân và vệ sinh chuồng trại mỗi ngày; do gà đã xuất chuồng nên không có nhu cầu cung cấp nước cho gà uống, cụ thể:

$$Q_{HD} = Q_{SHCN} + Q_{VSCT} = 2,4 + 4 = 6,4 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}.$$

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Quá trình xây dựng cơ sở

Năm 2020, sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài” được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 2295/QĐ-UBND ngày 21/08/2020; Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài được tiến hành đầu tư và xây dựng trên phần đất có tổng diện tích 92.171,1 m² với quy mô nuôi 310.000 con/đợt và hoạt động đến nay.

Căn cứ điểm d, khoản 14, điều 168 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường, chủ cơ sở lập thủ tục và xin phép UBND tỉnh Sóc Trăng xem xét cấp Giấy phép môi trường cho trang trại để trang trại có thể tiếp tục hoạt động chăn nuôi với quy mô: 310.000 con/gà/đợt nuôi. Mỗi đợt nuôi khoảng 4 tháng.

5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở

“Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài” của Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư hoạt động với quy mô công suất của cơ sở 310.000 con gà thịt/đợt được chia làm 31 trại nuôi, mỗi dãy trại nuôi 10.000 con/đợt. Cơ sở bao gồm các hạng mục sau:

Bảng 1.3. Hạng mục các công trình của cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Số lượng	Diện tích (m ²)	Ghi chú
I	Hạng mục chính	-	32.550,0	-
1	Khu nuôi số 1	01	8.000	Hiện hữu
2	Khu nuôi số 2	01	11.000	Hiện hữu
3	Khu nuôi thứ 3	01	12.000	Hiện hữu

4	Kho chứa thức ăn đầu trại	31	1.550	Hiện hữu
II	Hạng mục phụ trợ	-	25.990,1	-
1	Khu vực đặt máy phát điện	01	20	Hiện hữu
2	Nhà làm việc	03	150	Hiện hữu
3	Nhà sát trùng	01	20	Hiện hữu
4	Kho chứa thuốc, vaccin	01	20	Hiện hữu
5	Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hàng rào	-	25.630,1	Hiện hữu
6	Hệ thống cấp nước	03	150	Hiện hữu
7	Hệ thống cấp điện	01	-	Hiện hữu
8	Hệ thống tiếp đất và chống sét	01	-	Hiện hữu
9	Hệ thống PCCC	01	-	Hiện hữu
III	Hạng mục bảo vệ môi trường	-	33.631,0	-
1	Nhà vệ sinh	09	90	Hiện hữu + xây mới
2	Kho chứa chất thải nguy hại	01	10	Hiện hữu
3	Ao sinh học 1	01	1.700	Hiện hữu
4	Ao sinh học 2	01	6.800	Hiện hữu
5	Ao sinh học 3	01	9.400	Hiện hữu

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

6	Khu vực xử lý gia cầm chết (khi không có dịch bệnh)	01	150	Hiện hữu
7	Khu vực xử lý gia cầm chết khi có dịch bệnh xảy ra	01	3.000	Hiện hữu
8	Rãnh gom nước thải	31	310	Hiện hữu
9	Cây xanh	-	12.171	Hiện hữu
Tổng cộng			92.171,1	

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

5.2.1. Các hạng mục công trình chính

a. Trại nuôi gà: Bao gồm 31 dãy trại nuôi được chia làm 3 khu nuôi với tổng diện tích 31.000 m², tại mỗi khu nuôi các dãy trại nuôi nằm song song với nhau, cụ thể:

- Khu nuôi số 1: gồm 8 dãy trại có diện tích 8.000 m², mỗi dãy trại có kích thước 1.000m² (10m x 100m)

- Khu nuôi số 2: gồm 11 dãy trại có diện tích 11.000 m², mỗi dãy trại có kích thước 1.000m² (10m x 100m)

- Khu nuôi số 3: gồm 12 dãy trại có diện tích 12.000 m², mỗi dãy trại có kích thước 1.000m² (10m x 100m)

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; tường dày 10cm; vách xây lên cao 50cm, hệ thống lưới rào B40 bao quanh tạo thành vách cao 4m.

+ Mái trại được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung trại kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

b. Kho thức ăn đầu trại: Tổng diện tích là 1.550 m² được xây dựng liền kề ở đầu mỗi trại, mỗi kho diện tích 50m².

Kết cấu thiết kế:

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

5.2.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

a. Khu vực đặt máy phát điện

Diện tích 20m².

+ Nền tráng bê tông cao 30cm; Mái lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

b. Nhà làm việc

Có 03 nhà làm việc được bố trí cho từng khu nuôi. Mỗi nhà có diện tích 50m².

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

C. Nhà sát trùng

Nhà sát trùng được bố trí ở cổng ra vào trại với diện tích khoảng 20m². Nhà sát trùng có tác dụng sát khuẩn các đối tượng ra vào trại bằng các dung dịch có tính sát khuẩn như nước vôi.

d. Kho chứa thuốc thú y, vaccin

Nơi chứa thuốc thú y, vaccin sau khi nhập từ công ty cung cấp. Diện tích 20m².

+ Nền tráng bê tông; vách xây tường 10cm; cửa đi, cửa sổ khung sắt lắp kính.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

e. Đường nội bộ, sân bãi, đất trống, hệ thống hàng rào

Diện tích 25.630,1m²

Đường nội bộ và sân bãi được tráng nền xi măng liên kết ở đầu mỗi trại, kết cấu thiết kế:

+ Bề rộng mặt đường: 4 m

+ Bó vỉa bê tông thiết kế cho các loại xe hai bánh, xe đẩy di chuyển qua lại dễ dàng.

Hệ thống sân và đường nội bộ của cơ sở được làm bằng xi măng, cát, đá 1x2 vững chắc do đó hạn chế phần nào bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm của cơ sở, góp phần giảm ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

Hàng rào: Mặt trước cơ sở hướng quốc lộ 1A được xây dựng tường cao 3m, xung quanh cơ sở hàng rào được đổ đà, trụ bê tông sử dụng lưới B40 bao quanh.

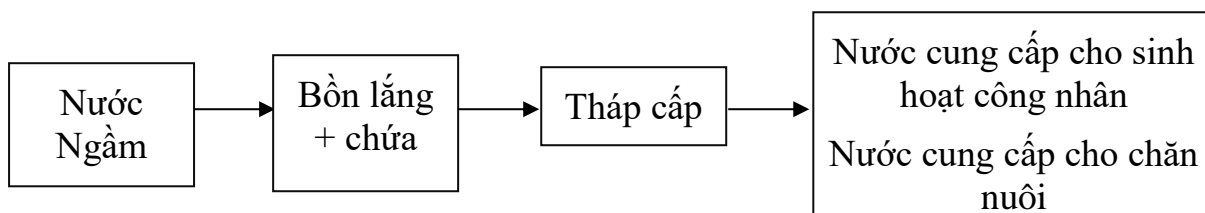
e. Hệ thống cấp nước

Diện tích 150 m²

Nguồn nước cho sinh hoạt của cơ sở được lấy từ nguồn nước ngầm trong khu vực cơ sở.

Nguồn nước cho hoạt động chăn nuôi được lấy từ giếng khoan của cơ sở.

Cơ sở có tổng 03 giếng khoan ở mỗi dãy trại cung cấp đầy đủ nước cho sinh hoạt và chăn nuôi. Nước ngầm sẽ được đưa qua công đoạn lắng, bơm lên đài nước và phân phối đến mạng lưới sử dụng theo sơ đồ sau:



Hình 1.4. Sơ đồ xử lý nước ngầm

- Hệ thống cấp điện:

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là điện lưới quốc gia đường dây trung áp 22KV. Để đảm bảo các thiết bị không bị hư hỏng trong trường hợp cắt điện vì nguồn điện chính bị lỗi nguồn điện khẩn cấp phục vụ hoạt động được thiết kế tự cung cấp sử dụng máy phát điện dự phòng.

- Hệ thống tiếp đất và bảo vệ chống sét:

Đặc điểm kỹ thuật đặt ra các yêu cầu chi tiết để chống sét cho các công trình phục vụ cho hoạt động của cơ sở là lắp đặt thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất, đồng thời cũng phục vụ trong điều kiện sử dụng mái bê tông cốt thép, dầm, cột và móng có thép khi tiếp xúc thiết bị chống sét, dây dẫn và thiết bị tiếp đất.

Đặc điểm kỹ thuật của phân tích chi tiết các hệ thống tiếp đất khác nhau bao gồm hệ thống TN-S, TN-C, TN-C-S, TT, TI và đưa ra yêu cầu kỹ thuật an toàn chi tiết để tiếp đất của các hệ thống khác nhau.

Tiếp đất: Các lõi vào mỗi nguồn điện đều được âm dưới đất nhiều lần. Tiếp đất cho sét và tiếp đất bảo vệ sử dụng cùng một hệ thống tiếp đất. Tất cả các thiết bị tiếp đất đều được kết nối với nhau để hình thành mạng tiếp đất.

- Hệ thống PCCC:

Sử dụng các bình bột chữa cháy và nước từ giếng khoan. Hệ thống chữa cháy bằng các bình xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2). Các hộp nước bình chữa cháy xách tay (bình bột CaCO_3 , bình khí CO_2) đặt ở tại những vị trí cần thiết.

5.2.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

a. Nhà vệ sinh

Có tổng 09 nhà vệ sinh trong cơ sở. Diện tích 90m^2 .

+ Nền tráng bê tông dán gạch men; vách xây tường 10cm.

+ Mái được thiết kế 2 mái và lợp bằng tole.

+ Khung kết cấu cột bê tông và thép tiền chế.

b. Kho chứa chất thải nguy hại

Diện tích 10m^2 , kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại có thùng chứa có nắp đậy, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ao xử lý nước thải: Cơ sở có bố trí 03 ao sinh học hình chữ nhật, trồng các loại thủy sinh như lục bình, bèo dâu tây,... Sau khi kết thúc mỗi đợt nuôi, các dãy chuồng sẽ được vệ sinh để chuẩn bị cho đợt nuôi mới, nước thải từ các dãy trại nuôi sẽ theo rãnh thoát nước được bố trí cặp theo mỗi dãy trại nuôi dẫn về các ao sinh học bằng đường ống PVC D114 để xử lý.

c. Ao sinh học 1

Tổng thể tích khoảng 6.800 m^3 ($1.700\text{ m}^2 \times 4\text{m}$), xử lý nước thải của Khu nuôi số 1.

d. Ao sinh học 2:

Tổng thể tích khoảng 27.200 m^3 ($6.800\text{ m}^2 \times 4\text{m}$), xử lý nước thải của Khu nuôi số 2.

e. Ao sinh học 3:

Tổng thể tích khoảng 37.600 m^3 ($9.400\text{ m}^2 \times 4\text{m}$), xử lý nước thải của Khu nuôi số 3.

d. Khu vực xử lý gia cầm chết khi không có dịch bệnh

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống với diện tích khoảng 150 m^2 (cách dãy trại nuôi 30m), xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp.

e. Khu vực xử lý gia cầm chết khi có dịch bệnh xảy ra

Chủ cơ sở bố trí khu vực có diện tích là 3.000 m² để xử lý xác gia cầm chết khi xảy ra dịch bệnh.

f. Rãnh thu gom nước thải

Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng sẽ được thu gom bằng các rãnh bê tông rộng 0,5 m x sâu 0,5 m, nằm kéo dài phía sau các dãy chuồng, các rãnh này được thiết kế có độ dốc khoảng 5% để đảm bảo có thể thoát hoàn nước thải từ dãy trại nuôi vào ao sinh học được bố trí cho từng khu nuôi.

d. Hệ thống cây xanh

Diện tích 12.450 m²

Cây xanh được bố trí trồng dọc theo tuyến đường chính và xung quanh cơ sở nhằm tạo cảnh quan cho cơ sở. Cây xanh được trồng ở xung quanh cơ sở nhất là khu vực cuối hướng gió sau các quạt hút của các dãy trại tạo nên vùng đệm cây xanh che chắn và hấp thụ bụi phát tán ra môi trường xung quanh.

5.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Các máy móc thiết bị của cơ sở, được nêu trong bảng sau:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Nơi sản xuất	Năm SX
1	Hệ thống máng ăn, nước uống, hệ thống chân đỡ	Bộ	620	-	Thái Lan	2019
2	Giếng khoan	Giếng	03	-	-	-
3	Quạt thông gió	Cái	155	500W	Thái Lan	2019
4	Máy phát điện	Cái	01	200 KVA	Nhật	2019
6	Hệ thống điện	-	-	-	Thái Lan	-
7	Hệ thống các lồng nuôi bố trí ở trại	-	-	-	Thái Lan	-

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Công suất	Nơi sản xuất	Năm SX
8	Bình chữa cháy	Cái	90	-	Việt Nam	2019
9	Bồn nhựa chứa nước	Cái	31	1 m ³	Việt Nam	2019
10	Máy bơm nước	Cái	03	1 HP	Đài Loan	2019
11	Máy phun nước áp lực cao	Cái	03	1,5 HP	Nhật	2020

(Nguồn: Chủ cơ sở, 2023)

5.4. Tổ chức quản lý của cơ sở:

Chủ trang trại trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của cơ sở “Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài”.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030; phù hợp Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Mỹ Xuyên được phê duyệt tại Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 29/12/2023;

Về quy hoạch đô thị: địa điểm cơ sở không nằm trong quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng các khu chức năng của tỉnh và huyện Mỹ Xuyên.

Mối quan hệ của cơ sở với các cơ sở khác: Xung quanh khu vực cơ sở không có các đối tượng kinh tế như khu đô thị, các đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung. Xung quanh khu vực cơ sở trong vòng bán kính 2 km không có đền chùa, khu di tích lịch sử, khu du lịch và diện tích dành riêng cho an ninh quốc phòng.

2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Lượng nước thải phát sinh rất ít chủ yếu là cuối mỗi đợt nuôi (4 tháng) mới tiến hành vệ sinh chuồng trại, cơ sở sử dụng máy phun nước áp lực cao nên lượng nước sử dụng rất ít, lưu lượng 4 m³/đợt cho 01 trại. Tổng lượng nước phát sinh khoảng 124 m³. Do đó cũng không tác động nhiều vào nguồn tiếp nhận là nước mặt trong kênh thủy lợi tiếp giáp với cơ sở; chất lượng của nước kênh thủy lợi còn khá tốt đã được chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu mẫu phân tích sẽ nêu cụ thể tại Chương V của Báo cáo.

Theo khoản 1 điều 82 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và khoản 1 điều 15 Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ thì khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của mỗi đoạn sông, hồ phải được đánh giá đối với từng thông số sau: COD, BOD₅, NO₃⁻, PO₄³⁻. Đối với các thông số khác thì dựa vào quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải, mục đích sử dụng nước, quy mô, tính chất nước thải, yêu cầu bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường đối với từng đoạn sông, hồ có cơ quan thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải quy định.

Hiện tại, đối với kênh thủy lợi tiếp nhận nước thải của cơ sở chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải theo quy định. Vì vậy, căn cứ vào Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thông số quy định trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, giá trị C_{max} , cột B với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,3$ - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, không có thông số NO_3^- , PO_4^{3-} các thông số thực hiện đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận là COD, BOD₅.

Đoạn kênh tiếp nhận nước thải có chiều rộng khoảng 10 m, độ sâu trung bình 2 m và tốc độ dòng nước nhanh nhất trong ngày tại thời điểm khảo sát đo được là 0,1 m/s. Lưu lượng dòng chảy tại kênh thủy lợi tiếp nhận nước thải là 1m³/s.

Chủ cơ sở sẽ luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường để giảm thiểu thấp nhất các tác động tiêu cực đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận. Chủ cơ sở cam kết xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT(giá trị C_{max} , Cột B) trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Tổng diện tích đất của cơ sở là 92.171,1 m², với lượng mưa trung bình của tháng cao nhất trong năm 2021 (Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng), lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích của cơ sở vào thời điểm mưa lớn nhất được tính như sau:

$$V = Q/30 \times (1 - \psi) \times S$$

Q: lượng mưa cao nhất trong tháng (Q= 0,324m).

S: diện tích (S: 92.171,1 m²)

ψ : hệ số thấm (ψ : 0,2 theo TCN 153:2006).

$$V = 0,324/30 \times (1 - 0,2) \times 92.171,1 = 796,35 \text{ m}^3.$$

Lượng nước mưa chảy tràn trên bề mặt diện tích cơ sở khoảng 796,35 m³/ngày (khi có mưa lớn nhất trong tháng).

Nước mưa phát sinh được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa của cơ sở, cụ thể như sau:

- Đối với nước mưa từ sân bãi, đường nội bộ của cơ sở được thiết kế xây dựng có độ dốc 5% và bố trí các rãnh nhỏ thu gom nước mưa, các rãnh được bố trí dọc theo các khối nhà chính lề đường,... đảm bảo nước mưa thoát vào kênh Xáng phía sau và kênh thủy lợi phía hai bên cơ sở.

- Đối với nước mưa trên mái nhà: nước mưa sẽ theo độ dốc của mái nhà chảy xuống rãnh thoát nước mưa của cơ sở, nước mưa sẽ theo các rãnh thoát nước mưa thoát vào nguồn tiếp nhận:

+ Kênh Xáng phía sau và kênh thủy lợi phía hai bên cơ sở.

- Vị trí, phương thức thoát nước mưa và vị trí nguồn tiếp nhận nước mưa:

+ Phương thức thoát nước mưa: Tự chảy.

+ Vị trí thoát nước mưa: kênh Xáng và kênh thủy lợi thuộc ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Bên cạnh đó, chủ cơ sở luôn duy trì việc nạo vét các rãnh thoát nước, đảm bảo cho việc tiêu thoát nước mưa được thông suốt và sạch sẽ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và sản xuất của cơ sở.

(Sơ đồ thoát nước mưa được đính kèm trong phụ lục).

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a) Nước thải sinh hoạt: Có 03 khu nhà vệ sinh được bố trí cho từng Khu nuôi. Nước thải từ nhà vệ sinh được dẫn vào hầm tự hoại 03 ngăn có thể tích thiết kế là 05m^3 để loại bỏ phần cặn lắng, sau khi xử lý sẽ thông qua đường ống PVC có đường kính 114 mm, chiều dài khoảng 50 m thải ra nguồn tiếp nhận là các ao sinh học.

b) Nước thải chăn nuôi: Nền chuồng có độ dốc từ 5% để đảm bảo việc thoát nước vào các rãnh thu gom nước thải được đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 0,5m x dài 20m x sâu 0,5m được bố trí kéo dài phía sau mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy trại nuôi. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D114 chiều dài từ 10m-50m tùy vị trí của dãy trại chảy vào ao sinh học để xử lý theo phương án sau:

+ Ao sinh học 1: tổng thể tích khoảng 6.800 m^3 , dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 08 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 01 với lượng nước thải phát sinh là $32\text{ m}^3/\text{đợt}$.

+ Ao sinh học 02: tổng thể tích khoảng 27.200 m^3 , dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 11 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 02 với lượng nước thải phát sinh là $44\text{ m}^3/\text{đợt}$.

+ Ao sinh học 02: tổng thể tích khoảng 37.600 m^3 , dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 12 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 03 với lượng nước thải phát sinh là $48\text{ m}^3/\text{đợt}$.

Tại ao sinh học, nước thải được xử lý bằng chlorine nồng độ 30 ppm và để lắng khoảng 15 ngày. Sau thời gian lắng nước thải xử lý còn một lượng chất hữu cơ hòa tan, chất dinh dưỡng sót lại sẽ được các loài rong, tảo hấp thụ và phát triển thành sinh khối. sau đó tiếp tục sử dụng chế phẩm vi sinh để tăng hiệu quả xử lý nước thải (thời gian xử lý bằng vi sinh khoảng 15- 30 ngày). Nước thải sau khi xử lý tại ao sinh học phải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (QCVN 32-MT:2016/BTNMT, cột B) và nước thải sau xử lý tại ao sinh học sẽ được lưu chứa tại ao, không thoát ra môi trường bên ngoài.

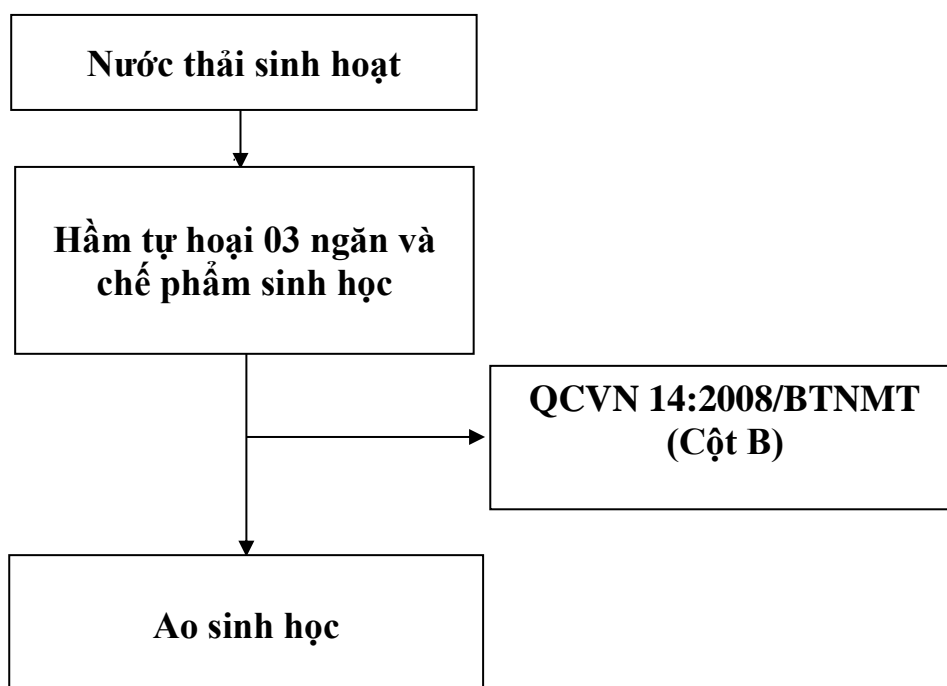
(Sơ đồ thoát nước thải được đính kèm trong phụ lục).

1.3. Xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt:

Chủ cơ sở đã xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh tại cơ sở, kết hợp sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy

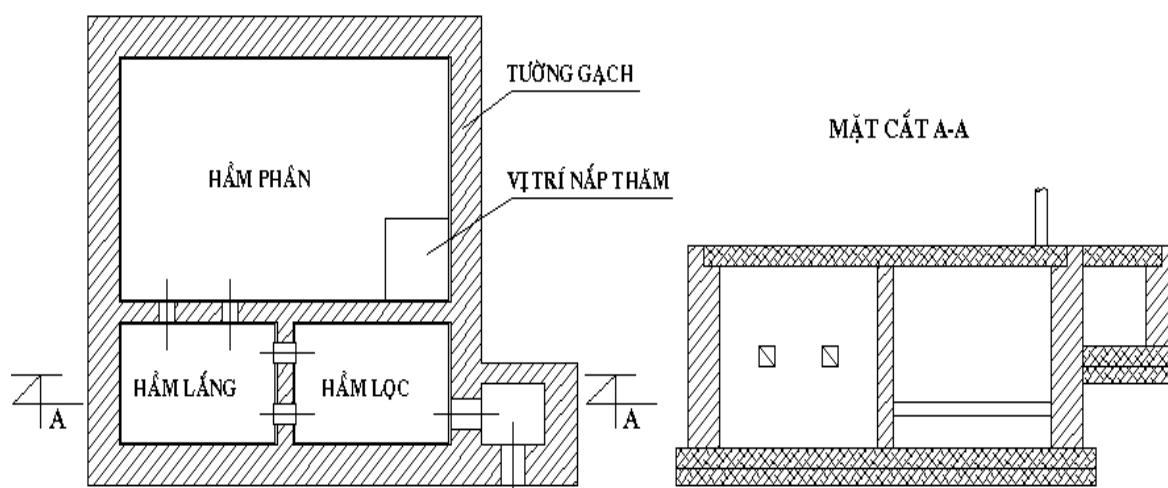
chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là cá ao sinh học trong khuôn viên cơ sở.



Hình 3.1. Sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Bể tự hoại 03 ngăn có dạng hình chữ nhật, là công trình đồng thời làm hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý các chất ô nhiễm từ 30 - 40% (riêng phân cặn rắn được giữ lại trong bể từ 80 - 85%). Trong khoảng thời gian từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% BOD và 20 - 40% cặn lơ lửng TSS. Bên cạnh đó, cơ sở còn sử dụng các chế phẩm sinh học đảm bảo xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B.

Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.



Hình 3.2. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, nhờ vậy hiệu suất xử lý chất ô nhiễm tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Theo Trần Đức Hạ (2006), thể tích bể tự hoại cần thiết cho hoạt động của cơ sở được tính toán như sau:

$$W = W_1 + W_2 (*)$$

Trong đó:

W_1 : thể tích phần lắng cặn của bể tự hoại, $W_1 = q.N.T_1/1000$.

W_2 : thể tích phần chứa cặn và lên men cặn, W_2 được xác định bằng công thức sau: $W_2 = a.b.c(100 - p_1)N.T_2/[(100 - p_2).1000]$.

q : tiêu chuẩn thải nước của một người trong một ngày, lấy $q = 96$ lít/ngày.

N : số người bể tự hoại phục vụ. số lượng 30 công nhân, vậy lấy $N = 30$

T_1 : thời gian nước lưu lại trong bể tự hoại, $T_1 = 3$ ngày.

a : tiêu chuẩn cặn lắng lại trong bể tự hoại của một người trong một ngày, $a = 0,81$ lít/ngày.

b : hệ số kể đến độ giảm thể tích bể do bùn cặn nén, $b = 0,7$.

c : hệ số kể đến việc giữ lại một phần bùn cặn đã lên men sau mỗi lần hút, $c = 1,2$.

p_1 : độ ẩm của bùn cặn khi mới bắt đầu lắng giữ lại trong bể, $p_1 = 95\%$.

p_2 : độ ẩm của bùn cặn sau khi nén, $p_2 = 90\%$.

T_2 : thời gian giữa hai lần hút bùn cặn lên men, $T_2 = 180$ ngày.

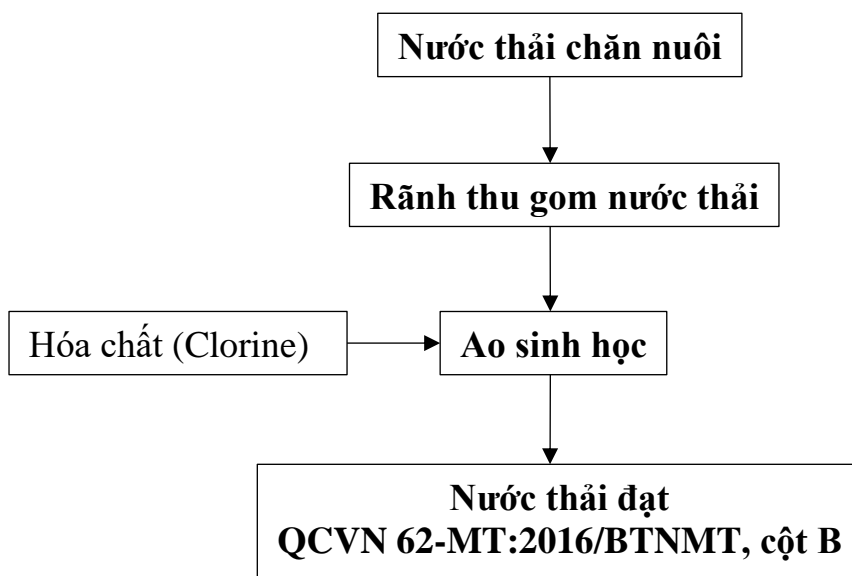
Như vậy, theo công thức (*) tổng thể tích bể tự hoại là $10,48 \text{ m}^3$.

Trang trại sử dụng 3 hầm tự hoại với thể tích $05 \text{ m}^3/\text{hầm}$ được bố trí cho từng Khu nuôi nhằm đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Nước thải sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại kết hợp với chế phẩm sinh học đảm bảo đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là các Ao sinh học bằng đường ống PVC có đường kính 114 mm, chiều dài khoảng 50 m.

b) Nước thải chăn nuôi:

Nước thải từ vệ sinh chuồng trại phát sinh khoảng $124 \text{ m}^3/\text{đợt}$ nuôi; do lượng nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh các trại gà là không liên tục, sau mỗi đợt nuôi vệ sinh trại 1 lần/đợt nuôi. Tuy nhiên mỗi ngày chỉ vệ sinh 01 dãy trại kéo dài trong khoảng 31 ngày nên lượng nước thải phát sinh là $04 \text{ m}^3/\text{ngày}$; có thành phần chủ yếu là rắn lơ lửng, chất hữu cơ, các loại vi sinh, bên cạnh đó, nước thải của trang trại có nồng độ các chất ô nhiễm thấp vì chủ yếu là vệ sinh chuồng trại. Toàn bộ lượng nước thải trên sẽ được thu gom xử lý đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B.

Quy trình xử lý nước thải chăn nuôi (nước thải từ vệ sinh các dãy trại) được trình bày bằng sơ đồ cụ thể như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước thải chăn nuôi tại cơ sở

Thuyết minh quy trình công nghệ xử lý nước thải

Nước thải vệ sinh chuồng trại sau mỗi đợt nuôi được thu gom bằng các rãnh thu gom đặt cuối mỗi dãy trại có kích thước rộng 0,5m x dài 20m x sâu 0,5m được bố trí kéo dài phía sau mỗi dãy chuồng, đảm bảo có thể thu gom hoàn toàn nước thải từ việc vệ sinh dãy trại nuôi. Nước thải sau đó theo đường ống PVC D114 chiều dài từ 10m-50m tùy vị trí của dãy trại chảy vào ao sinh học để xử lý theo phương án sau:

+ Ao sinh học 1: tổng thể tích khoảng 6.800 m³, dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 08 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 01 với lượng nước thải phát sinh là 32 m³/đợt.

+ Ao sinh học 02: tổng thể tích khoảng 27.200 m³, dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 11 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 02 với lượng nước thải phát sinh là 44 m³/đợt.

+ Ao sinh học 02: tổng thể tích khoảng 37.600 m³, dùng để lưu chứa và xử lý lượng nước thải vệ sinh chuồng trại của 12 dãy trại nuôi của Khu nuôi số 03 với lượng nước thải phát sinh là 48 m³/đợt.

Tại ao sinh học, nước thải được xử lý bằng chlorine nồng độ 30 ppm và để lắng khoảng 15 ngày. Sau thời gian lắng nước thải xử lý còn một lượng chất hữu cơ hòa tan, chất dinh dưỡng sót lại sẽ được các loài rong, tảo hấp thụ và phát triển thành sinh khối. sau đó tiếp tục sử dụng chế phẩm vi sinh để tăng hiệu quả xử lý nước thải (thời gian xử lý bằng vi sinh khoảng 15- 30 ngày). Nước thải sau khi xử lý tại ao sinh học phải nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (QCVN 32-MT:2016/BTNMT, cột B) và nước thải sau xử lý tại ao sinh học sẽ được lưu chứa tại ao, không thoát ra môi trường bên ngoài.

Mô tả chi tiết hệ thống

Rãnh thu gom nước thải

Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng sẽ được thu gom bằng các rãnh bê tông rộng 0,5 m x sâu 0,5 m, nằm kéo dài phía sau các dãy chuồng, các rãnh này được thiết kế có độ dốc khoảng 5% để đảm bảo có thể thoát hoàn nước thải từ dãy trại nuôi vào ao sinh học được bố trí cho từng khu nuôi.

Ao sinh học

Nước thải được thu gom và chảy vào ao sinh học. Tại đây, nước thải được xử lý bằng chlorine nồng độ 30 ppm và để lắng khoảng 15 ngày. Ngoài ra, với các vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong quá trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO₂, photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi

sinh vật. Khả năng loại bỏ BOD cao > 90%, khả năng loại bỏ đạm từ 70% - 90%, phốtpho từ 30% - 40%, khả năng tiêu diệt các mầm bệnh cao (trên 99%).

Bảng 3.1. Kích thước, kết cấu các hạng mục công trình xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Số lượng	Dung tích (m ³)	Kích thước (dài x rộng x sâu) (m)	Kết cấu
1	Rãnh thu gom	31	5	20 x 0,5 x 0,5	Thành và đáy bằng bê tông
2	Ao sinh học 01	01	6.800	170 x 10 x 4	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
3	Ao sinh học 02	01	27.200	136 x 50 x 4	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.
4	Ao sinh học 03	01	01	188 x 50 x 4	Ao đất, chứa nhiều sinh vật hiếu khí để đẩy mạnh quá trình oxy hoá các chất hữu cơ.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Thành phần của khí thải gây mùi hôi trong quá trình chăn nuôi chủ yếu là mùi của các hợp chất hữu cơ, bao gồm: H₂S, NH₃, CO₂...; Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm. Để giảm thiểu chất thải khí chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng vách tole ngăn cách với khu vực xung quanh với chiều cao từ mặt đất lên khoảng 4m che chắn bao quanh toàn bộ đất của cơ sở.

- Trồng thêm nhiều cây xanh bao quanh các khu đất trống, xung quanh cơ sở và phía sau các dãy trại nuôi chủ yếu là trồng cây có bóng râm như dừa, chuối,... nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán gần mặt đất, ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân xung quanh.

- Sử dụng 05 quạt thổi/trại nuôi để làm thông thoáng môi trường trong trại nuôi, giảm thiểu mùi hôi phát sinh trong khu vực trại nuôi, đảm bảo trại nuôi luôn được thông thoáng.

- Áp dụng công nghệ nuôi gà kết hợp độn lót sinh học trong trại nuôi, định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học EM với tần suất 2 lần/tuần làm tăng khả năng tự phân hủy của phân gà, làm giảm mùi hôi phát sinh của hỗn hợp trấu, phân gà.

- Thực hiện tốt việc vệ sinh chuồng trại, thực hiện thu gom phân sau mỗi đợt nuôi không để phát tán ra môi trường bên ngoài.

- Sử dụng các loại thuốc diệt ruồi tần suất 01 lần/tuần kết hợp hợp chất dẫn dụ để diệt ruồi hữu hiệu và rất tiện sử dụng cho trang trại chăn nuôi gia cầm.

- Trồng cây xanh quanh khu vực cơ sở và nhất là phía sau các quạt hút của các dãy trại nuôi.

- Thường xuyên xịt chế phẩm sinh học EM Pro-1 khử mùi bên trong và bên ngoài các dãy trại nuôi, định kỳ 05 ngày/lần.

- Giải pháp xử lý mùi hôi khu vực xử lý nước thải: chủ cơ sở sử dụng chế phẩm vi sinh học EM Pro-1 để xử lý mùi hôi ở khu vực này nếu khu vực phát sinh mùi hôi.

Như vậy, lượng mùi hôi đã bị giảm thiểu đáng kể, không gây ảnh hưởng đến hộ dân cách xa trong khu vực cơ sở.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt ăn uống của công nhân lao động. Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng: 30 người x 0,8 kg/người/ngày = 24 kg/ngày với thành phần chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: vỏ rau củ hư hỏng, cơm, canh, rau thừa, bao nilon, hộp giấy,... Trong đó thành phần hữu cơ chiếm tỉ lệ 70 – 80% (rau quả, thực phẩm thừa,...) và thành phần vô cơ chiếm 20 - 30% (bao nilon bẩn, hộp giấy, thủy tinh,...).

Để giảm thiểu ảnh hưởng từ chất thải rắn sinh hoạt, Chủ cơ sở bố trí khoảng 9 thùng rác 80 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các-tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom

và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bọc nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vớt bỏ.

3.2. Chất thải rắn chăn nuôi:

- Phân gà và trâu lót nền phát sinh từ các trại (trung bình 10 tấn/trại) sẽ được thu gom định kỳ sau khi kết thúc đợt nuôi được hợp đồng với đơn vị thu mua thu gom trong trại và phân được chứa trong các bao (khoảng 15 - 20kg/bao). Sau khi hoàn thành đóng bao sẽ được đơn vị thu mua vận chuyển đi trong ngày, không để tồn đọng tại trại. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trâu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của các trại khác; do lượng trâu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

- Bao bì đựng thức ăn: Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom và lưu chứa trong kho chứa thức ăn, các bao bì đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

Tổng khối lượng bao bì phát sinh sau mỗi đợt nuôi được tính như sau:

Ta có lượng thức ăn sử dụng cho trong 01 đợt là: 900 tấn, mỗi bao thức ăn có trọng lượng 25 kg, như vậy 01 đợt nuôi cơ sở sử dụng 36.000 bao thức ăn. Mỗi vỏ bao bì bao thức ăn có trọng lượng 0,1kg. Vậy tổng khối lượng bao bì phát sinh mỗi đợt nuôi là $36.000 \text{ bao} \times 0,1\text{kg} = 3.600 \text{ kg} = 3,6 \text{ tấn}$ bao bì đựng thức ăn.

Toàn bộ bao bì đựng thức ăn phát sinh hằng ngày sẽ được thu gom toàn bộ và lưu chứa trong kho của trại nuôi và được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 150m², xác gia cầm chết sẽ được xử lý tại đây bằng phương pháp chôn lấp. Lượng gà chết khoảng 1% tổng số đàn (khoảng 3.100 con/đợt, tương đương tối đa 5,58 tấn/đợt, khoảng 16,74 tấn/năm (tính theo gà đạt 1,8 kg/con), tuy nhiên số lượng gà chết tự nhiên mỗi ngày không đều và nếu chết không cũng nhiều trung bình khoảng 5-10 con/ngày. Công nhân thu gom gà chết trong ngày, vào mỗi buổi chiều sẽ thực hiện chôn lấp ở phần đất được bố trí. Hồ chôn lấp có kích thước tùy theo số lượng gà chết trong ngày (nhiều sẽ đào hố to, ít sẽ đào hố nhỏ). Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nện chặt. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

Bảng 3.2. Tổng lượng chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	8,76
2	Bao bì thức ăn	10,8
3	Phân gà và trấu lót nền	930
4	Xác gà chết không do dịch bệnh (không phải CTNH)	16,74
Tổng		966,3

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở sẽ được thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 10 m². Kho chất thải nguy hại được xây dựng kín tránh nước mưa chảy tràn vào, mái che kín, mặt sàn được bê tông hóa có gạch chắn cao hơn sàn, không bị thấm thấu, bên trong kho chất thải nguy hại bố trí 03 thùng chứa 50 lít có nắp đậy. Kho chất thải nguy hại, các loại chất thải nguy hại phát sinh được dán biển cảnh báo và dán nhãn đảm bảo yêu cầu kỹ thuật đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các chai lọ đựng vắc - xin, thuốc thú y, kim tiêm sẽ được công ty cung cấp thuốc thu gom lại theo định kỳ để xử lý. Các chất thải nguy hại còn lại chủ cơ sở sẽ hợp đồng với các đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, xử lý khi đủ số lượng theo quy định.

Đối với xác gà chết do dịch bệnh: Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh, chủ cơ sở thông báo cho cán bộ thú y xã hoặc thành viên trong Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật cấp xã để cán bộ thú y tới lấy mẫu xét nghiệm xem có dương tính với các loại dịch bệnh hay không. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch, chủ cơ sở sẽ phối hợp với địa phương chọn địa điểm tiêu hủy. Theo khuyến cáo của OIE và FAO nên ưu tiên chọn địa điểm tiêu hủy ngay tại khu vực chăn nuôi có động vật mắc bệnh hoặc địa điểm thích hợp khác gần khu vực có ổ dịch để hạn chế việc vận chuyển xác gà đi xa khiến virus phát tán ra ngoài môi trường ảnh hưởng tới các khu chăn nuôi an toàn khác. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 - Thông tư số 07/2016/TT-

BNNPTNT ngày 31/5/2016, cụ thể như sau:

Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 3.000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

+ Số lượng tối đa gà có trong trại 310.000 con.

+ Trọng lượng tối đa 01 con gà: 1,8 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 310.000 x 1,8 = 558.000 kg = 558 tấn và cần 558 hố chôn.

+ Lượng hỗn hợp phân trâu tối đa là: 10 tấn/trại, tương đương 310 tấn/đợt và cần 310 hố chôn.

+ Tổng khối lượng xác và phân gà chết do dịch bệnh là 868 tấn và cần 868 hố chôn.

+ Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn là: sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn là: 2 x 2 = 3 m².

+ Vậy diện tích cần chôn gà chết và phân gà do dịch bệnh là : 868 x 3 m² = 2.604 m².

+ Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 3.000 m².

+ Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà và phân gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.

+ Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.

Bảng 3.3. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Nguồn phát sinh
1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	57 kg/năm	Từ quá trình chăm sóc, tiêm ngừa, chữa bệnh gia cầm
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	01 kg/năm	Từ quá trình tiêm ngừa, chữa bệnh

3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	06 lít/năm	Cặn dầu từ máy phát điện dự phòng
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	Thắp sáng đường, trại nuôi, các đầu trại
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	02 kg/năm	Từ quá trình bảo dưỡng thiết bị
6	Xác và phân gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 868 tấn	Từ quá trình chăn nuôi

(Nguồn: Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài, 2024)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn và độ rung, này chủ cơ sở thực hiện một số biện pháp giảm thiểu sau:

- Đối với phương tiện vận chuyển:

+ Ưu tiên sử dụng các phương tiện vận chuyển có động cơ đảm bảo chất lượng, thường xuyên bảo dưỡng máy móc.

+ Khi thực hiện các hoạt động nhiều tiếng ồn, yêu cầu công nhân thực hiện thao tác phải sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động cá nhân nhằm hạn chế tác động của tiếng ồn.

+ Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào thời điểm thích hợp sao cho giảm thiểu tác động của tiếng ồn đến sức khỏe của người dân xung quanh.

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Khu vực đặt máy phát điện được che chắn cẩn thận hạn chế tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

+ Đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về tiếng ồn trong quá trình hoạt động

+ Lắp pô giảm âm thanh cho máy phát điện; Máy được đặt trên các tấm đệm lót chống rung.

+ Máy phát điện được đặt ở khu vực riêng và được định kỳ bảo dưỡng cẩn thận

Ngoài ra, để hạn chế phát sinh tiếng ồn tại khu vực cơ sở, chủ cơ sở tiến hành trồng cây xanh xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố:

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về nước thải:

Chủ cơ sở sẽ bố trí nhân viên thường xuyên theo dõi, kiểm tra ao sinh học: Công nhân phụ trách môi trường của cơ sở thường xuyên kiểm tra ao sinh học, nếu nước trong các ao này có màu nâu đỏ, nhiều chất rắn lơ lửng thì sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Bón vôi vào Ao sinh học để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải.

+ Ao sinh học tại cơ sở được xây dựng với bờ bao có cao độ 1,5m so với mặt bằng chung của khu vực nên có khả năng chống ngập lụt khá tốt. Đối với trường hợp vào những ngày mưa lớn sẽ dẫn đến nguy cơ các ao sinh học bị tràn nước: Công nhân làm việc tại cơ sở phải thường xuyên kiểm tra các ao sinh học tại cơ sở khi trời mưa lớn, nếu thấy ao có nguy cơ bị tràn sẽ tiến hành đắp bờ ao cao hơn để tránh tình trạng nước từ các ao sinh học chảy tràn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm môi trường.

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố về chất thải:

a) Chất thải rắn chăn nuôi (chất thải rắn công nghiệp thông thường):

Trong quá trình hoạt động, chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu là phân gà và trấu với khối lượng khoảng 310 tấn/đợt nuôi, lượng chất thải rắn chăn nuôi này được chủ cơ sở thu gom đóng bao và hợp đồng bán toàn bộ cho các đơn vị thu mua. Trường hợp đơn vị thu mua chưa kịp thu gom chủ cơ sở sẽ bố trí để trống một trại nuôi làm thành khu vực lưu chứa toàn bộ lượng phân trấu chưa vận chuyển kịp, để tránh ảnh hưởng đến hoạt động chăn nuôi của cơ sở; do lượng trấu và phân gà thịt có độ ẩm rất thấp nên không phát sinh mùi hôi, ruồi gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tuy nhiên, nhằm hạn chế phát sinh mùi hôi, chủ cơ sở thực hiện phun xịt chế phẩm như Permethrin 50 EC, Bendon 10 EC, E.M. Nitrogen, EM Pro-1.

b) Chất thải nguy hại:

Kho chất thải nguy hại của trang trại có diện tích 10 m², được xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Kho chất thải nguy hại của trang trại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu dùng khi xảy ra các sự cố, cụ thể như sau:

- Trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;

- Có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng.

6.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra dịch bệnh:

a) Phòng ngừa dịch bệnh:

Tiêm phòng đầy đủ, đúng lịch các loại vắc xin phòng bệnh nhằm ngăn ngừa dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Phụ lục 07 – Thông tư số 07/2016/TTBNNPTNT ngày 31/5/2016.

Công nhân ra vào trại phải được vệ sinh sạch sẽ, trang bị bảo hộ lao động khi làm việc và phải xịt khử khuẩn trước, sau khi ra vào các dãy chuồng.

Chất sát trùng tại các hố sát trùng ở cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi và trại nuôi phải bổ sung hoặc thay hàng ngày.

Tất cả các phương tiện vận chuyển khi vào trại chăn nuôi, khu chăn nuôi phải đi qua hố khử trùng và phải được phun thuốc sát trùng. Mọi người trước khi vào khu chăn nuôi phải thay quần áo, giày dép và mặc quần áo bảo hộ của trại; trước khi vào các trại nuôi phải nhúng ủng hoặc giày dép vào hố khử trùng. Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các trại nuôi ít nhất 01 lần/2 tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy trại nuôi ít nhất 01 lần/02 tuần khi không có dịch bệnh, và ít nhất 1 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun thuốc sát trùng trên gà 1 lần/tuần khi có dịch bệnh bằng các dung dịch sát trùng thích hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Định kỳ phát quang bụi rậm, khơi thông và vệ sinh cống rãnh trong khu chăn nuôi ít nhất 2 tuần/lần.

Thường xuyên vệ sinh khu vực nuôi, phun các chế phẩm để xử lý ruồi như Permethrin 50 EC, Bendona 10 EC,... tần suất 02 lần/tuần trong suốt thời gian đợt nuôi (12 tháng); bố trí hệ thống sát trùng khu vực ra vào trại.

Định kỳ thực hiện tổng vệ sinh, tiêu độc khử trùng toàn bộ chuồng trại, khu vực chăn nuôi, định kỳ 02 tuần/lần. Phương tiện vận chuyển ra vào trại phải được phải được khử trùng.

b) Phương án ứng phó khi có dịch bệnh:

Khi thấy gà bị chết hoặc có dấu hiệu mắc bệnh chủ cơ sở sẽ thông báo cho ngành thú ý ở địa phương. Trường hợp xác định dương tính với bệnh dịch chủ cơ sở sẽ phối hợp với các đơn vị trên tiến hành tiêu hủy toàn bộ số gà bị mắc bệnh. Quá trình tiêu hủy toàn bộ gà chết do dịch bệnh được thực hiện theo hướng dẫn kỹ thuật tiêu hủy bắt buộc động vật mắc bệnh quy định tại Phụ lục 06 – Thông tư

số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016. Khu vực chôn lấp được bố trí tại khu đất trống của cơ sở với diện tích khoảng 3.000 m², diện tích trên được tính dựa trên các số liệu sau:

- + Số lượng tối đa gà có trong trại 310.000 con.
- + Trọng lượng tối đa 01 con gà: 1,8 kg. Vậy tổng trọng lượng gà cần chôn là: 310.000 x 1,8 = 558.000 kg = 558 tấn và cần 558 hố chôn.
- + Lượng hỗn hợp phân trâu tối đa là: 10 tấn/trại, tương đương 310 tấn/đợt và cần 310 hố chôn.
- + Tổng khối lượng xác và phân gà chết do dịch bệnh là 868 tấn và cần 868 hố chôn.
- + Chọn kích thước hố chôn lấp 01 tấn là: sâu 2m x rộng 1,5m x dài 2m. Ta có diện tích cần chôn 01 tấn là: 2 x 2 = 3 m².
- + Vậy diện tích cần chôn gà chết và phân gà do dịch bệnh là : 868 x 3 m² = 2.604 m².
- + Do đó chủ trang trại bố trí khu vực chôn lấp xác gà chết do dịch bệnh là: 3.000 m².
- + Các bước chôn lấp: Sau khi đào hố, rải một lớp vôi bột xuống đáy hố theo tỷ lệ khoảng 01 kg vôi/m², cho bao chứa xác gà và phân gà xuống hố, phun thuốc sát trùng hoặc rắc vôi bột lên trên bề mặt, lấp đất và nén chặt; yêu cầu khoảng cách từ bề mặt bao chứa đến mặt đất tối thiểu là 0,5m, lớp đất phủ bên trên bao chứa phải dày ít nhất là 1m và phải cao hơn mặt đất để tránh nước chảy vào bên trong gây sụt, lún hố chôn. Phun sát trùng khu vực chôn lấp để hoàn tất quá trình tiêu hủy.
- + Sau khi chôn lấp, bề mặt hố chôn và xung quanh hố sẽ được rải vôi bột, phun khử trùng để diệt mầm bệnh phát tán. Đặt biển cảnh báo khu vực hố chôn lấp động gia cầm.
- + Khu vực chôn lấp được kiểm tra 1 tuần/lần trong vòng 1 tháng đầu sau khi chôn lấp. Nếu có hiện tượng bất thường như hố chôn vị sụt, lún, vỡ bề mặt,... sẽ sử dụng các biện pháp xử lý kịp thời là phủ thêm đất, lấp lại, phun hoá chất khử trùng,...
- + Ngoài ra cần phải rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi, để khô, sau đó phun sát trùng 02 lần, cách nhau 10-15 ngày bằng một trong các dung dịch: nước vôi tôi 10%, xút 2-3%, formol 2-3%, crezin 5%.

6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ:

Chủ cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp để đảm phòng chống cháy nổ. Cụ thể như sau:

- Các nguồn nguyên liệu dễ cháy nổ phải được quản lý đúng quy định, tránh nơi nhiệt độ cao, xa nguồn lửa. Nghiêm cấm mọi người hút thuốc trong các kho thức ăn, phế liệu bao bì,... các nơi dễ sinh cháy nổ.

- Thường xuyên kiểm tra an toàn điện năng đối với các thiết bị sử dụng điện.

- Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho cơ sở.

- Thực hiện các biện pháp an toàn về điện gồm:

+ Các thiết bị điện được tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ, có thiết bị bảo vệ quá tải.

+ Hệ thống đường điện đảm bảo có hành lang an toàn, hệ thống bảo vệ pha role cho các thiết bị sử dụng điện và được thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn điện.

+ Chương trình phổ biến hướng dẫn cho cán bộ công nhân viên về nội quy an toàn điện. Trang bị bảo hộ an toàn điện cho công nhân vận hành, sửa chữa điện.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):

Không có.

8. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:

Không có.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

a) Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại (không phát sinh thường xuyên, chỉ phát sinh sau mỗi đợt nuôi).

- Nguồn số 02: nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại cơ sở.

b) Lưu lượng xả nước thải tối đa:

- Nguồn số 01: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 04 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép: 2,4 m³/ngày đêm.

Lưu lượng xả thải tối đa là 6,4 m³/ngày.đêm

c) Dòng nước thải:

- Nước thải được lưu chứa tại ao sinh học, không thải ra nguồn tiếp nhận ngoài cơ sở.

Các chất ô nhiễm và giới trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Nước thải chăn nuôi sau xử lý sẽ đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép trình bày như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/L	100
3	COD	mg/L	300
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/L	150
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000

Bảng 4.1. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

d) Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được lưu chứa tại ao sinh học và không xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động (khi cơ sở bị mất điện).

- Vị trí phát sinh (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰):
X = 1048104; Y=535711.

- Giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung: đảm bảo đáp ứng các quy định về bảo vệ môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.3. Giới hạn tiếng ồn, độ rung

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị		Quy chuẩn quy định
			Từ 6 giờ – 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ	
1	Tiếng ồn	dBA	70	55	QCVN 26:2010/BTNMT – Khu vực thông thường
2	Độ rung	dB	70	60	QCVN 27:2010/BTNMT – Khu vực thông thường

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

a) Chất thải sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh phát sinh tại cơ sở 24 kg/ngày được chủ cơ sở để thu gom vào 9 thùng rác 80 lít để thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt này sẽ được thu gom để phân loại, cụ thể: đối với chất thải như bao bì thùng giấy các-tông, kim loại, chai nhựa,... sẽ được thu gom và bán phế liệu cho đơn vị thu mua; đối với các chất thải hữu cơ như: rau, vỏ trái cây, thức ăn thừa,... sẽ được chôn lấp để tránh phân hủy gây ra mùi hôi; các chất thải khó phân hủy như: bịch nilon, sành sứ, đồ cao su,... sẽ được thu gom lại chứa trong bao định kỳ 1 tuần sẽ mang ra bãi rác để vứt bỏ.

b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải rắn chăn nuôi) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi tại cơ sở chủ yếu gồm: phân gà, bao bì đựng thức ăn,... Đối với từng loại chất thải rắn chăn nuôi, chủ trang trại sẽ có biện pháp xử lý đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.4. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Chủng loại	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
1	Phân gà và trâu	310 tấn/đợt nuôi	Được thu gom cho vào bao (mỗi bao khoảng 15 – 20 kg) và bán cho các đơn vị thu mua
2	Bao bì đựng thức ăn	3,6 tấn/đợt nuôi	Được thu gom và chứa vào kho của cơ sở, các bao đựng thức ăn sẽ được tái sử dụng để chứa phân gà trong các đợt thu gom.
3	Xác gà chết không do dịch bệnh	5,58 tấn/đợt nuôi	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Khu vực chôn có diện tích 150 m ² .

c) Chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh tại trang trại chủ yếu là chai lọ đựng vắc – xin, thuốc thú y, kim tiêm, nhớt thải từ máy phát điện dự phòng, xe vận chuyển, giẻ lau dính dầu nhớt, bóng đèn huỳnh quang thải và xác gia cầm chết do dịch (trường hợp có dịch bệnh xảy ra). Chủ trang trại sẽ có biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 4.5. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh	Phương án thu gom, xử lý
------------	-----------------	----------------	-----------------------------	---------------------------------

1	Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng	13 02 02	57 kg/năm	Chủ trang trại sẽ tiến hành thu gom và lưu trữ trong 03 thùng nhựa loại 100 lít/thùng, có dán nhãn và lưu chứa tại Kho chất thải nguy hại có diện tích 10 m ² . Chủ trang trại sẽ hợp đồng với các đơn vị chức năng để tiến hành thu gom, xử lý định kỳ 02 lần/năm theo đúng quy định của pháp luật.
2	Kim tiêm đã qua sử dụng	13 02 01	01 kg/năm	
3	Cặn dầu nhớt thải	17 02 02	06 lít/năm	
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	01 kg/năm	
5	Giẻ lau dính dầu nhớt	18 02 01	02 kg/năm	
6	Xác và phân gia cầm chết do dịch bệnh (nếu có)	14 02 01	Tối đa 868 tấn	Tiêu hủy bằng biện pháp chôn lấp. Khu vực chôn có diện tích 3.000 m ² được bố trí ở khu đất trống cơ sở.

CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở đã được phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường. Vì vậy, chủ cơ sở lấy kết quả quan trắc nước thải 2024.

Đơn vị thực hiện quan trắc

- Công ty Cổ phần Xây Dựng và Môi Trường Đại Phú.

Địa chỉ liên hệ: 156 Vườn Lài, phường An Phú Đông, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.666.04.779

Số hiệu: VIMCERTS 292 (Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Quan trắc Môi trường).

Vị trí lấy mẫu thực hiện quan trắc

Tọa độ vị trí lấy mẫu quan trắc (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 6°):

- NT01: X = 1048159; Y = 535778 tại ao sinh học 01.

- NT02: X = 1048140; Y = 535696 tại ao sinh học 02.

- NT03: X = 1048093; Y = 535708 tại ao sinh học 03.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải

STT	Ký hiệu mẫu	Thông số					
		pH	BOD ₅	COD	TSS	Tổng N	Coliforms
		-	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100ml
1	NT01	6,32	42	61	42	34,5	$2,3 \times 10^3$
2	NT02	7,01	47	75	39	32,1	$3,4 \times 10^3$
3	NT03	7,18	55	97	73	44	$3,1 \times 10^3$
QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B)		5,5 - 9	100	300	150	150	5×10^3

(Nguồn: Đơn vị thực hiện quan trắc)

* Nhận xét:

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Môi trường Tâm An Phát
Địa chỉ: 15/4A, KV Thanh Mỹ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 0764.742.424.

Qua kết quả quan trắc mẫu nước thải tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải của cơ sở cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của trang trại, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn cơ sở đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Chủ cơ sở sẽ tiến hành vận thành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải của cơ sở.

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Mục đích	Thời gian	Công suất xử lý
1	Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm	Ngày 01/11/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh
2	Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm	Ngày 03/12/2024	100% lượng nước thải chăn nuôi phát sinh

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải trước khi thực hiện việc xả thải ra ngoài môi trường như sau:

Bảng 6.2. Dự kiến thời gian lấy mẫu

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
1	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất từng công đoạn và hiệu quả của công trình xử lý nước thải	30 ngày (từ ngày 01/11/2024 đến ngày 30/11/2024)	Tần suất quan trắc nước thải tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của công trình xử lý nước thải); thông số theo quy định.

STT	Mục đích	Thời gian	Tần suất
2	Giai đoạn đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định	03 ngày (01/12/2024 đến ngày 03/12/2024)	Tần suất quan trắc nước thải ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải); thông số quan trắc thực hiện theo quy định.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu nước thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải như sau:

Bảng 6.3. Kế hoạch lấy và phân tích mẫu nước thải

STT	Giai đoạn vận hành thử nghiệm	Thông số đánh giá	Số lượng mẫu	Thời gian
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất xử lý của công trình xử lý nước thải			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày) (tại hồ ga thu gom)	<i>pH, COD, BOD₅, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliform</i>	3	- Ngày 01/11/2024 - Ngày 16/11/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày) (tại vị trí hồ ga thu mẫu)		3	- Ngày 30/11/2024
II	Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn hệ thống vận hành ổn định			
1	Đầu vào (01 mẫu/ngày)	<i>pH, COD, BOD₅, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliform</i>	1	- Ngày 01/12/2024
2	Đầu ra (01 mẫu/ngày)		3	- Ngày 01/12/2024 - Ngày 02/12/2024 - Ngày 03/12/2024

Ghi chú:

- QCVN so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

- Mẫu: Mẫu tổ hợp, được lấy theo thời gian gồm 03 mẫu đơn lấy ở 03 thời điểm khác nhau trong ngày (sáng, trưa - chiều, chiều - tối), sau đó được trộn đều

với nhau.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trang trại chăn nuôi gà thịt Dư Hoài dự kiến sẽ phối hợp với công ty Cổ phần Xây dựng và Môi trường Đại Phú thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở.

Đơn vị phải có chức năng thực hiện các hoạt động về quan trắc, phân tích các dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung ứng các dịch vụ, kỹ thuật về tài nguyên và môi trường. Trung tâm có đủ điều kiện và chức năng thực hiện quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc môi trường

Cơ sở không thuộc trường hợp phải quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 111 và khoản 2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tuy nhiên, để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường chủ cơ sở xin tự đề xuất chương trình quan trắc của cơ sở, cụ thể như sau:

2.1. Quan trắc nước thải

- Thông số: pH, BOD₅, COD, TSS, tổng nitơ (theo N), tổng Coliform.
- Vị trí giám sát: 03 điểm, tại ao sinh học số 1, ao sinh học số 2 và ao sinh học số 3 của cơ sở.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Chủ cơ sở bố trí kinh phí thực hiện công việc giám sát chất lượng môi trường, kinh phí giám sát tính theo quy định hiện hành. Kinh phí giám sát môi trường dự kiến như sau:

Bảng 6.4. Tổng kinh phí giám sát môi trường

STT	Thành phần	Số mẫu giám sát	Tần số giám sát (lần/năm)	Thành tiền (đồng)
1	Giám sát nước thải	06	06	15.000.000VNĐ

CHƯƠNG VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA , THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 02 năm gần nhất (2022 và 2023), tại cơ sở không có các đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác, toàn vẹn của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

Chủ cơ sở cam kết thực hiện việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:

- Thu gom, xử lý chất thải rắn chăn nuôi đúng theo quy định của pháp luật; thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định của pháp luật.

- Thu gom, xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, Cột B trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận là kênh thủy lợi.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo.

- Thực hiện việc đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường khi triển khai cơ sở.

- Cam kết nghiêm chỉnh chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan.

Trong quá trình hoạt động, chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường như:

+ Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung đã đăng ký trong giấy phép môi trường được phê duyệt.

+ Sử dụng máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại.

+ Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giám sát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, nước thải trong quá trình hoạt động của Trang trại.

+ Thực hiện các biện pháp phân loại, thu gom, lưu trữ, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

+ Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động.

+ Cam kết thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại như: gà bệnh, gà chết, các lọ vaccine, ống tiêm, kim tiêm vaccine sau khi sử dụng.

Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ;
- Sơ đồ mặt bằng của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước mưa của trang trại;
- Sơ đồ thoát nước thải của trang trại;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;
- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;
- Quyết định phê duyệt ĐTM, xác nhận giấy phép môi trường và các văn bản liên quan.

UBND HUYỆN MỸ XUYỀN
PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
HỘ KINH DOANH**

Số : 59E8005552

Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 11 năm 2019

1. Tên hộ kinh doanh: **HỘ KINH DOANH PHẠM VĂN RỪ**
 2. Địa điểm kinh doanh: **ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng**
- Điện thoại: 0913862170 Fax:
Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh: **Chăn nuôi gà. (khi kinh doanh phải đảm bảo đúng các điều kiện theo quy định)**
 4. **Vốn kinh doanh: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)**
 5. **Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân**
 6. **Họ và tên đại diện hộ kinh doanh: PHẠM VĂN RỪ**
Giới tính: **Nam**
Sinh năm: **25/12/1972** Dân tộc: **Kinh** Quốc tịch: **Việt Nam**
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Chứng minh nhân dân**
Số giấy chứng thực cá nhân: **365097289**
Ngày cấp: **17/07/2019** Nơi cấp: **Công an tỉnh Sóc Trăng**
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng**
Chỗ ở hiện tại: **ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng**

TRƯỞNG PHÒNG



Handwritten signature and name: Phạm Văn Rừ

Handwritten signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

A/ PHẦN DÀNH CHO TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

1. Thông tin về tổ chức/cá nhân đăng ký:

1.1. Tên tổ chức/cá nhân: LÂM VĂN ĐỨC CMND: 765097289 (Đối với tổ chức ghi đầy đủ tên theo Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký kinh doanh/đối với cá nhân ghi đầy đủ họ tên theo Chứng minh nhân dân).

1.2. Địa chỉ liên hệ: 118 Quốc lộ 1A, Phường 7, TP Sóc Trăng

1.3. Số điện thoại liên hệ (nếu có): 0913 862 170

2. Thông tin về công trình khai thác:

2.1. Vị trí công trình: Ấp Sỏi Đứng, Thạnh Phú, Huyện Sỏi Trăng
(Ghi rõ thôn/ấp; xã/phường; quận/huyện; tỉnh/thành phố nơi đặt công trình khai thác nước dưới đất).

2.2. Số thửa: 1069 tờ bản đồ: A1...

2.3. Chiều sâu khai thác: 102 (m);

2.4. Lượng nước khai thác, sử dụng: 06 (m³/ngày đêm);

2.5. Mục đích khai thác, sử dụng nước: chăn nuôi gia

(Ghi rõ khai thác, sử dụng nước cho: ăn uống, sinh hoạt hộ gia đình; sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc các mục đích khác).

....., ngày 07 tháng 12 năm 2019 XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

(ký và ghi rõ họ tên)

(Xác nhận, ký, đóng dấu)

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)
Lâm Văn Đức

(Handwritten signature)
Nguyễn Văn Nhiệm

(Handwritten signature)

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài tại Biên bản họp thẩm định ngày 19/3/2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 07 ngày 30/7/2020 của Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài" sau khi đã tổ chức rà soát các nội dung được chỉnh sửa, bổ sung theo quy định (Tờ trình số 1840/TTr-STNMT ngày 14/8/2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài (sau đây gọi là Dự án) của Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại ấp Sóc Bung, xã Thạnh

Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *LT*

Nơi nhận:

- Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Thạnh Phú (huyện MX);
- Lưu: VT. *LT*



Lê Văn Hiếu



Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài”
(Kèm theo Quyết định số.2295 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Tên Dự án: Cải tạo, nâng cấp Trại gà Dư Hoài.

1.2. Chủ Dự án: Hộ kinh doanh Phạm Văn Rư.

1.3. Vị trí thực hiện Dự án: Ấp Sóc Bung, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

1.4. Quy mô, công suất của Dự án

- Tổng diện tích Dự án: 92.171,1m².

- Quy mô: Nuôi 310.000 con gà thịt/đợt, nuôi 02 đợt/năm, mỗi đợt nuôi khoảng 4,5 tháng.

- Các hạng mục công trình của Dự án:

+ Hạng mục công trình chính gồm: 31 dãy chuồng nuôi (chia làm 03 khu nuôi) và phòng kỹ thuật.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ: Khu vực chứa thuốc thú y, vắc xin; khu vực hồ chứa nước, giếng; nhà đặt máy phát điện.

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường và xử lý chất thải: Kho chất thải nguy hại; ao sinh học 1, 2, 3; khu vực chôn lấp xác gà chết; khu nhà vệ sinh; khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường; đất trồng, cây xanh, tường rào.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

Bao gồm: Nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn, nước thải chăn nuôi), chất thải rắn thông thường (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn chăn nuôi), chất thải nguy hại, bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung, các sự cố, rùi rò.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa vật liệu thi công; từ nước thải trộn bê tông,... khoảng 01 m³/ngày. Thành phần gồm: COD, TSS, Fe, Cl⁻, SO₄²⁻.

2.2.2. Nước thải sinh hoạt

a) Giai đoạn cải tạo

Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 10 công nhân (khoảng 0,8m³/ngày đêm). Thành phần gồm: TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, N-NH₄⁺.

b) Giai đoạn vận hành

Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 35 công nhân (khoảng 2,8 m³/ngày đêm). Thành phần gồm: TSS, BOD₅, COD, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, N-NH₄⁺.

2.2.3. Nước thải chăn nuôi

Nước thải từ quá trình vệ sinh chuồng trại, dụng cụ chứa thức ăn (khoảng 248m³/năm; tương đương 124m³/đợt nuôi). Thành phần nước thải chứa các chất ô nhiễm bao gồm: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn cải tạo

Phát sinh từ quá trình thi công như: Đào, đắp, vận chuyển nguyên vật liệu, khí thải từ quá trình hàn. Thành phần gồm: Bụi, SO₂, NO₂, CO.

b) Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải, mùi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm, từ máy phát điện dự phòng. Thành phần chủ yếu là: H₂S, NH₃, CO₂, SO₂, NO_x, CO.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn cải tạo

Phát sinh chủ yếu là: Xà bần, gạch vụn, vôi vữa, bao bì xây dựng, kim loại,... khoảng 05 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

- Bao bì đựng thức ăn: Phát sinh khoảng 2.480 kg/năm (1.240 kg/đợt nuôi).
- Hỗn hợp chất độn chuồng và phân gà: 1.543,8 tấn/đợt nuôi; trong đó:
+ Chất độn chuồng: 372 tấn/đợt.
+ Phân gà: 1.171,8 tấn/đợt.
+ Xác gia cầm chết (không do dịch bệnh): Khoảng 31.000 con/năm.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn cải tạo

Phát sinh chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, que hàn thải,... khoảng 01 kg/ngày.

b) Giai đoạn vận hành

Bao gồm các loại như: Chai lọ, bao bì chứa thuốc thú y đã qua sử dụng (khoảng 500 kg/năm), kim tiêm đã qua sử dụng (khoảng 02 kg/năm), cặn dầu nhớt thải (10 lít/năm), bóng đèn huỳnh quang thải (khoảng 20 kg/năm), giẻ lau dính dầu nhớt (05 kg/năm) và xác gia cầm chết (trường hợp xảy ra dịch bệnh).

2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác

2.6.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn cải tạo

Lượng rác thải phát sinh khoảng 03 kg/ngày; thành phần gồm: Thức ăn thừa, hộp xốp, rau củ thừa, bọc nilong, chai nhựa,...

b) Giai đoạn vận hành

Lượng rác thải phát sinh khoảng 10,5 kg/ngày; thành phần gồm: Thức ăn thừa, hộp xốp, rau củ thừa, bọc nilong, chai nhựa,...

2.6.2. Nước mưa chảy tràn: Phát sinh trong giai đoạn cải tạo và giai đoạn vận hành với lưu lượng khoảng 687,8m³/ngày đêm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Nước thải xây dựng: Được thu gom vào rãnh thoát nước tạm (thể tích 4m³) dọc khu vực thi công, thực hiện ngăn dòng chảy để tạo thời gian lắng; sau thời gian lắng, nước trong chảy vào ao sinh học.

3.1.2. Nước thải sinh hoạt

a) Giai đoạn xây dựng

Sử dụng 02 khu nhà vệ sinh hiện hữu (diện tích 24 m², tổng thể tích bể tự hoại 12,33 m³) để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

b) Giai đoạn vận hành

Sử dụng 02 khu nhà vệ sinh (diện tích 24 m², tổng thể tích bể tự hoại 12,33 m³) để xử lý nước thải sinh hoạt. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ theo các ống nước thải (bằng nhựa PVC Φ 114) chảy vào ao sinh học số 01 và số 02 (đều được lót bạt chống thấm) và lưu chứa tại ao, không thoát ra môi trường bên ngoài.

3.1.3. Nước thải chăn nuôi

Nước thải chảy vào rãnh thoát nước bố trí dọc các dãy chuồng nuôi, qua ống thoát nước thải (bằng nhựa PVC Φ 114) về 03 ao sinh học; tại đây, nước thải được xử lý bằng Clorine nồng độ 30 ppm và để lắng khoảng 15 ngày. Sau thời gian lắng, một lượng chất hữu cơ hòa tan, chất dinh dưỡng trong nước thải được các loài rong, tảo hấp thụ và phát triển thành sinh khối; tiếp tục sử dụng chế phẩm sinh học EM để tăng hiệu quả xử lý nước. Nước thải sau xử lý đảm bảo trong giới hạn cho phép theo quy định của QCVN 62-MT:2016/BTNMT và được lưu chứa tại ao, không thoát ra môi trường bên ngoài.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn cải tạo

- Các xe vận chuyển thuộc Dự án không chở quá tải trọng và tuân thủ tốc độ vận chuyển theo quy định; thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng phương tiện vận chuyển.

- Thường xuyên phun xịt nước khu vực thi công để hạn chế bụi phát sinh.
- Sử dụng các phương tiện vận chuyển chuyên dùng để vận chuyển vật liệu xây dựng, che bạt kín vật liệu trong quá trình vận chuyển. Thu gom, làm sạch đường ngay khi nguyên, vật liệu xây dựng rơi vãi trên đường vận chuyển.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định.

b) Giai đoạn vận hành

- Áp dụng công nghệ nuôi gà kết hợp đệm lót sinh học trong chuồng nuôi, định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học EM với tần suất 02 lần/tuần.

- Xây dựng vách tole (cao 4m) để ngăn cách Dự án với khu vực xung quanh.

- Trồng cây xanh bao quanh các khu đất trống, xung quanh Dự án và phía sau dãy chuồng nuôi.

- Trang bị 05 quạt thổi tại mỗi chuồng nuôi để làm thông thoáng môi trường, giảm thiểu mùi phát sinh tại khu vực nuôi.

- Hỗn hợp phân gà và trấu lót được vận chuyển ra khỏi khu vực Dự án ngay trong ngày của đợt thu gom, che bạt kín các xe vận chuyển trong quá trình vận chuyển; đồng thời, phun chế phẩm EM tại khu vực nuôi.

- Sử dụng bạt cao su để che chắn kín quanh chuồng nuôi nhằm giảm thiểu bụi, lông gà phát sinh và từ việc sử dụng các quạt thổi.

- Đối với bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu ra vào Dự án: Chủ Dự án thực hiện các biện pháp phun xịt nước tại khu vực Dự án vào các ngày nắng, gió để hạn chế bụi phát tán; thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc để tiết kiệm nhiên liệu và giảm phát sinh khí thải.

- Đối với khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:

- + Bố trí khu vực đặt máy phát điện dự phòng cách xa khu vực nghỉ ngơi của công nhân.

- + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ máy phát điện. Sử dụng dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp, sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ để giảm thiểu ô nhiễm.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

a) Giai đoạn cải tạo

Các loại vật liệu như: Xà bần, phế thải xây dựng rơi vãi, gạch vụn,... được thu gom để đầm nền mặt bằng trong quá trình xây dựng. Đối với các loại rác có khả năng tái sử dụng, tái chế (sắt, thép vụn, ống nhựa, dây điện,...) được thu gom và bán phế liệu.

b) Giai đoạn vận hành

Thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ; cụ thể:

- Bao bì đựng thức ăn: Được thu gom và tận dụng để chứa hỗn hợp trấu và phân gà. Đối với bao bì bị hư hỏng, không thể sử dụng thì tiến hành thu gom, lưu chứa vào khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và thuê đơn vị có chức năng để xử lý theo định kỳ.

- Hỗn hợp trấu và phân gà: Sau mỗi vụ nuôi, tiến hành thu gom, chứa trong bao và để tạm trong khu vực dây chuồng nuôi; sau đó, bố trí và vận chuyển hỗn hợp này đi ngay trong ngày. Sau khi lượng hỗn hợp trấu và phân gà được vận chuyển khỏi Dự án, thì thực hiện các quy định về phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng sau đợt nuôi và theo định kỳ (Vệ sinh trại nuôi, sát trùng và để trống khoảng 01 tháng thì bắt đầu vào đợt nuôi mới); sử dụng hóa chất (Xút 2-3% và Formol 2-3%) để khử trùng chuồng trại; định kỳ 02 tuần/lần phun chế phẩm sinh học. Trong trường hợp đơn vị thu gom không đến kịp để thu gom trong ngày thì phải bố trí, vận chuyển đi vào ngày hôm sau; khi đó, các bao chứa được lưu giữ tạm tại các dây chuồng đã xuất gà và thực hiện phun xịt chế phẩm sinh học EM để đảm bảo không phát sinh mùi và ruồi.

- Xác gà chết không do dịch bệnh: Tiến hành tiêu hủy bằng cách chôn lấp thủ công tại khu vực chôn lấp xác gia cầm.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn cải tạo

Thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại vào thùng chứa riêng biệt. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, quản lý và xử lý đúng theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giai đoạn vận hành

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 10m².

- Chai lọ, bao bì chứa thuốc vắc xin, kim tiêm: Thu gom vào khu vực lưu chứa chất thải nguy hại và chuyển giao cho đơn vị cung cấp theo đúng quy định.

- Bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu nhớt: Được thu gom và lưu chứa trong kho chất thải nguy hại.

- Bố trí 01 thùng chứa 20 lít, có nắp đậy để chứa lượng dầu nhớt thải phát sinh và lưu chứa tại khu vực lưu chứa chất thải nguy hại của dự án.

- Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác

3.5.1. Chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn cải tạo

Bố trí 02 thùng rác (thể tích 250 lít/thùng) để lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt tại địa phương để thu gom và xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn vận hành

Thu gom rác thải sinh hoạt vào thùng nhựa 150 lít có nắp đậy. Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt tại địa phương để thu gom và xử lý theo quy định với tần suất 01 lần/ngày.

3.5.2. Nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn cải tạo

- Bố trí khu vực tập kết nguyên vật liệu ở vị trí cao để tránh ngập úng, phân bổ lượng nguyên vật liệu thi công hợp lý.

- Bố trí các rãnh thoát nước, không để nước mưa chảy tràn vào khu vực của người dân.

b) Giai đoạn vận hành

- Nước mưa chảy tràn trên mặt đất sẽ theo cao độ của khu đất Dự án chảy vào các rãnh thu gom và thoát vào Kênh Xáng phía sau Dự án và kênh thủy lợi liền kề với Dự án thông qua ống nhựa PVC Ø114.

- Thường xuyên khơi thông các cống, rãnh và dọn sạch rác tại các khu vực nước mưa chảy qua để tránh kéo theo các chất thải gây ô nhiễm nguồn nước.

- Khu vực chăn nuôi được xây dựng nền cao và có mái che nhằm tránh nước mưa chảy tràn qua khu vực chăn nuôi.

3.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.6.1. Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn cải tạo

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì thiết bị thi công. Không vận hành đồng thời tất cả các thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển.

- Bố trí máy móc, thiết bị của Dự án tại vị trí và khoảng cách hợp lý.

- Các phương tiện vận chuyển thuộc Dự án không chuyên chở quá tải trọng quy định.

- Phân bổ thời gian thi công, vận chuyển nguyên vật liệu hợp lý, tránh giờ nghỉ và sinh hoạt của những người dân sống xung quanh khu vực Dự án.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tham gia thi công tại Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Phân bổ thời gian hợp lý để vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm của Dự án để không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của người dân.

- Bố trí nơi đặt máy phát điện cách xa khu vực làm việc, nơi tập trung nhiều người và che chắn xung quanh khu vực đặt máy. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, thay nhớt định kỳ máy phát điện.

- Trồng cây xanh trong khu vực Dự án để hạn chế phát tán tiếng ồn.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- Xây dựng 03 ao sinh học (có lót bạt chống thấm) với tổng thể tích lưu chứa là 71.600 m³ (Ao sinh học số 1 có thể tích lưu chứa 6.800m³; ao sinh học số 2 có thể tích lưu chứa 27.200m³; ao sinh học số 3 có thể tích lưu chứa 37.600m³).
- Xây dựng hệ thống vách tone ngăn cao 4m.
- 02 dãy nhà vệ sinh với tổng diện tích 24m² (tổng thể tích bể tự hoại là 12,33m³).
- Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 20m².
- Kho chất thải nguy hại: 10m².
- Khu vực chôn lấp xác gia cầm: 112m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giám sát chất lượng nước thải

- Vị trí giám sát: 03 điểm tại 03 ao sinh học.
- Thông số giám sát bao gồm: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng Nitơ, Tổng Coliforms.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B).

5.2. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực trung tâm Dự án.
- Thông số giám sát: H₂S, NH₃.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

5.3. Giám sát nước dưới đất

- Vị trí giám sát: 03 giếng khoan của trại.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.
- Thông số giám sát: pH, độ cứng, COD, Amoni, NO₃⁻, Cl⁻, Fe tổng và Tổng Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.4. Giám sát chất thải rắn

- Nội dung giám sát: Thống kê khối lượng của từng loại chất thải rắn thông thường phát sinh.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, liên tục.

3.6.2. Giảm thiểu ruồi phát sinh

- Định kỳ phun chế phẩm sinh học để xử lý mùi EM; sử dụng thuốc diệt ruồi Oshin tần suất 02 lần/tuần, để ngăn ngừa mùi và ruồi phát sinh.
- Phun xịt, rải thuốc ở những khu vực phát sinh nhiều ruồi, cống, rãnh, hố ga,... nhằm diệt ruồi và ấu trùng ruồi.
- Che chắn bạt nhựa kín khu vực chuồng nuôi.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.7.1. Tai nạn lao động

- Cung cấp đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động (mũ, găng tay, ủng,...) cho công nhân trực tiếp làm việc tại trại nuôi.
- Kiểm tra sức khỏe cho công nhân làm việc tại dự án định kỳ 6 tháng/lần.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị y tế tại chỗ để phòng trường hợp xảy ra tai nạn lao động.
- Thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn của các hệ thống thiết bị điện.

3.7.2. Sự cố cháy nổ

- Nhắc nhở công nhân tuân thủ các quy định về an toàn sử dụng điện.
- Lắp đặt các chuông báo tự động khi phát hiện có sự cố cháy nổ.
- Trang bị đầy đủ dụng cụ phục vụ cho công tác chữa cháy theo quy định.

3.7.3. Sự cố dịch bệnh

- Thực hiện đúng quy định về phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh thú y, tiêu độc khử trùng định kỳ và sau mỗi đợt nuôi. Tiêm phòng đầy đủ cho vật nuôi theo đúng quy định.

- Người lao động làm việc tại trại chăn nuôi phải thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng khi ra vào trại. Che chắn kín chuồng trại, đảm bảo chuồng trại luôn khô, sạch.

- Hạn chế tối đa những người lạ hoặc động vật ra vào khu vực chuồng trại để ngăn chặn sự lan truyền bệnh.

- Khi có dịch bệnh xảy ra, Chủ Dự án phải báo ngay với cơ quan thú y địa phương, kịp thời bao vây ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gà chết, bị bệnh và các con gà khác trong đàn. Quá trình tiêu hủy vật nuôi bị dịch bệnh phải thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.7.4. Sự cố nước chảy tràn

Thường xuyên kiểm soát các ao xử lý nước thải, không để nước chảy tràn ra bên ngoài; không xả nước thải ra môi trường bên ngoài. Trường hợp nước thải tràn ra ngoài, Chủ Dự án phải thông báo ngay với chính quyền địa phương và cơ quan chức năng để tiến hành khắc phục, xử lý sự cố theo quy định.

5.5. Giám sát khác

- Nội dung giám sát: Mùi hôi.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên, hàng ngày.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Bố trí lán trại cho công nhân (trường hợp công nhân ở lại công trường), khu vực chứa nguyên vật liệu tại vị trí phù hợp, đảm bảo an toàn và các yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình thi công Dự án.

6.2. Thực hiện biện pháp phòng ngừa đối với các sự cố (như tai nạn lao động, cháy nổ, rò rỉ nhiên liệu,...) xung quanh khu vực Dự án; đồng thời, tổ chức theo dõi và thường xuyên giám sát trong giai đoạn thi công.

6.3. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường được phê duyệt; lưu giữ các số liệu để cơ quan quản lý nhà nước về môi trường kiểm tra (khi cần).

6.4. Tuân thủ các quy chuẩn môi trường hiện hành có liên quan và yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành Dự án.

6.5. Thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn, nước thải, khí thải, chất thải nguy hại, mùi, ruồi phát sinh và chất thải khác đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

6.8. Trong quá trình triển khai Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và đối tượng xung quanh, Chủ Dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án; tổ chức ứng cứu, khắc phục và thông báo đến các cơ quan chức năng và địa phương để được hướng dẫn, phối hợp giải quyết, xử lý, bồi thường thiệt hại theo quy định./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: PHẠM VĂN RƯ

Năm sinh: 1972, CMND số: 365097289

Địa chỉ thường trú: ấp Nam Hải, xã Đại Hải, huyện Kế Sách,
tỉnh Sóc Trăng.

CQ 663186

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 1069, tờ bản đồ số: 41
b) Địa chỉ: ấp Sóc Bưng, xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
c) Diện tích: 92171,1m², (bằng chữ: Chín mươi hai nghìn một trăm bảy mươi một phẩy một mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp khác
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 15/10/2063: 90980,4m², Đến ngày 01/07/2064: 1190.7m²
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Trang trại chăn nuôi Dư Hoài

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
11 Trại Gà	10950	10950	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
9 Trại Gà	8740	8740	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
8 Trại Gà	8102	8102	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: Không.

Mỹ Xuyên, ngày 02 tháng 12 năm 2019
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

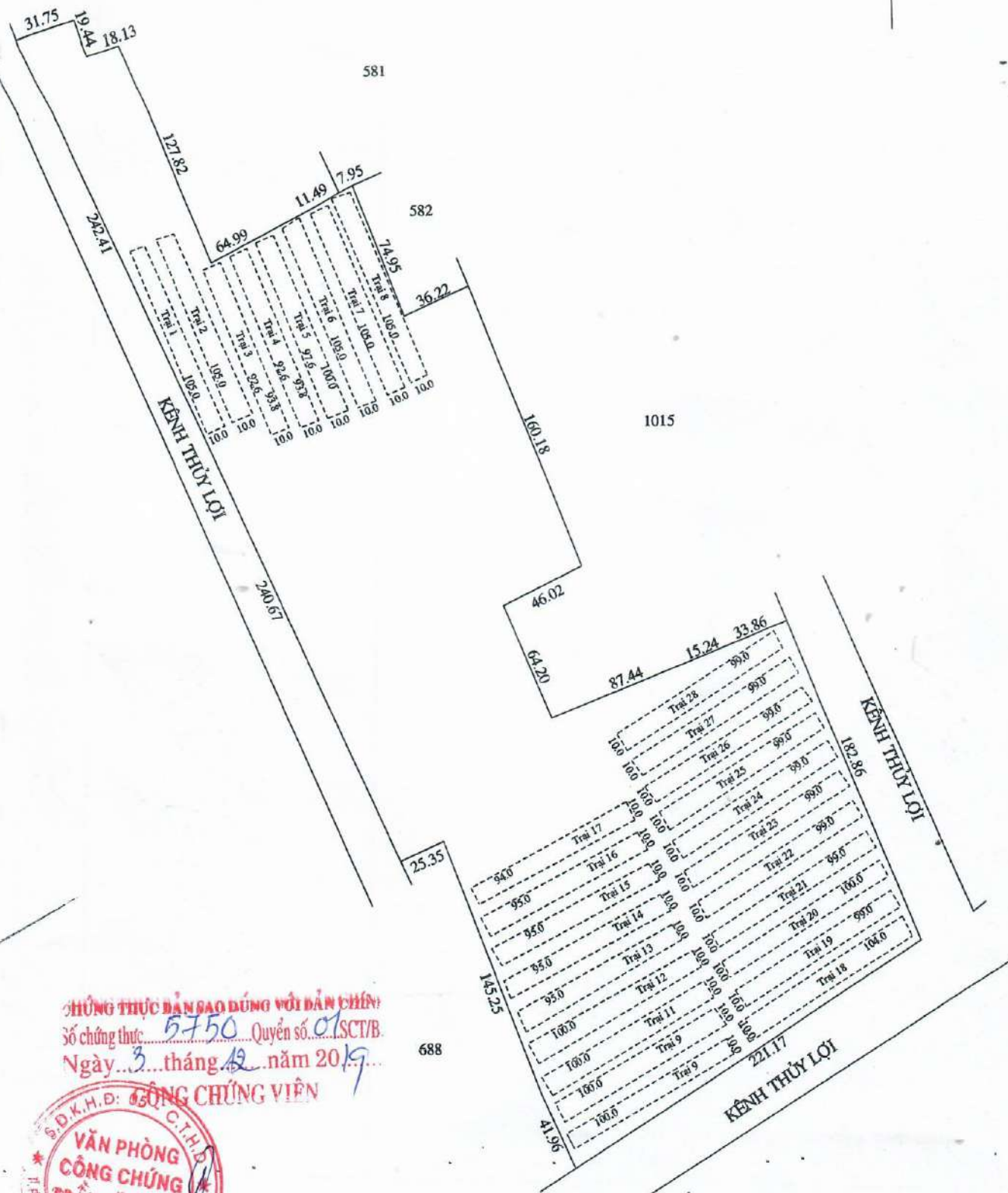
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

TỜ SỐ 107




HỮNG THỰC ĐẢN ĐẠO ĐÚNG VỚI ĐẢN CHÍN!
Số chứng thực: 5750... Quyền số: 01/SCT/B.
Ngày: 3... tháng 12... năm 2019...



Trần Văn Năm



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	 <p>Ghi chú: Kèm theo giấy chứng nhận này có trang bổ sung số 6600</p>

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



BẠC LIÊU

QUỐC LỘ 1A

SÓC TRĂNG

